

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ PHÁT
TRIỂN CÔNG NGHIỆP VIỆT NHẬT
(INDEMA)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2026/IDM-ĐKMT

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

V/v nộp hồ sơ đăng ký môi trường
cho Cơ sở “INDEMA” tại Lô 46B, KCN Quang
Minh, TP Hà Nội

Kính gửi: - Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp TP. Hà Nội

Công ty cổ phần sản xuất và phát triển công nghiệp Việt Nhật thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026) và Nghị Quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Địa chỉ: Lô 46B, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Mã số doanh nghiệp 0106515129 đăng ký lần đầu ngày 18/04/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 08/01/2026 do Phòng đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Hà Nội cấp.

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thu Hồng

- Chức danh: Tổng Giám đốc

- Điện thoại: 024 73 06 6060

Chúng tôi xin gửi đến Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội, hồ sơ gồm: 01 bản Báo cáo đăng ký môi trường của INDEMA.

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Kính đề nghị Quý Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký môi trường của Công ty cổ phần sản xuất và phát triển công nghiệp Việt Nhật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HCNS.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thu Hồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN
XUẤT VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NHẬT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1808/ĐK-IDM/2026
V/v đăng ký môi trường của cơ sở

Quang Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: **Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội**

Công ty cổ phần sản xuất và phát triển công nghiệp Việt Nhật (INDEMA) thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 46B, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, TP Hà Nội

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số: 0106515129

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thu Hồng

- Điện thoại: 024 73 06 6060 ; e-mail: hcns@indema.com.vn

Công ty cổ phần sản xuất và phát triển công nghiệp Việt Nhật (INDEMA) đăng ký môi trường với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về dự án đầu tư, cơ sở

- Tên dự án đầu tư, cơ sở: Công ty cổ phần sản xuất và phát triển công nghiệp Việt Nhật (INDEMA)

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư, cơ sở; nguồn vốn:

+ Địa điểm: Lô 46B, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, TP Hà Nội

+ Nguồn vốn: 10.000.000.000 đồng

- Quy mô: diện tích nhà xưởng 6073m² với khoảng 140 lao động.

- Công suất: ~ 2.000 tấn/năm

- Công nghệ: Tiếp nhận nguyên liệu → CNC laser/Đột CNC/Chấn CNC/Đột dập → Hàn → Mài → Mạ điện phân/Sơn tĩnh điện → Lắp ráp → Kiểm tra chất lượng → Đóng gói xuất xưởng

2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của cơ sở năm 2025

STT	Tên NVL	Khối lượng (kg)	Ghi chú
I	Nguyên vật liệu		
1	Thép tấm	1.438.000	
2	Thép hộp	37.664	
3	Thép V	431.174	
4	NVL thép khác	6.802	
5	Sơn bột	13.542	
II	Hóa chất sơn		
1	Hóa chất xử lý bề mặt ENALESS 70V Makeup (Phốt phát pha mới)	1.760	
2	Hóa chất xử lý bề mặt NEUTRALIZER 4055 (Chất điều chỉnh)	120	
3	Hóa chất xử lý bề mặt ACCELERATOR 131 (Tăng tốc)	525	
4	Hóa chất xử lý bề mặt PREPALENE ZNT (Chất định hình)	640	
5	Hóa chất xử lý bề mặt ENALESS 70V Replenishing (Phốt phát châm thêm)	2.160	
6	Hóa chất xử lý bề mặt TITRANT 11 (Chất chuẩn độ)	10,000	
7	Hóa chất xử lý bề mặt TITRANT 20 (Chất chuẩn độ)	3,000	
8	Hóa chất xử lý bề mặt REAGENT 205 (Chất đo tăng tốc)	5,250	
III	Hóa chất mạ	1.200	
1	Cleaner bos- tẩy dầu nóng	22.950	
2	Axit HCL 30%	1.050	
3	Dung dịch HNO3	150	
4	Axit Cromic (Cr03)	2.500	

5	Amoni clorua tinh khiết - NH ₄ Cl	400	
6	Hóa chất ZnCL ₂	6.241	
7	Kẽm thỏi	3.660	
8	Dung dịch dẻo kẽm 6700AV (20kg/can)	840	
9	Dung dịch NH ₃ OH	3.000	
10	Dung dịch Cr 3+ (chế phẩm dung dịch thụ động HK21 Plus)	25	
11	Chế phẩm dung dịch thụ động Crom3 (7 màu)	100	
12	Keo phủ mạ kẽm HK-94C	50	
13	Hóa chất ức chế ăn Pickle Aid	3.650	
14	Muối Kali Clorua- KCl	600	
15	Hóa chất tẩy dầu clean 50P	1.230	
16	Hóa chất tẩy mùn HK POLISH-201	1.200	
IV	Hóa chất xử lý nước thải		
1	Polyme	75	
2	Hóa chất NaOH 98% (Bột Xút xử lí nước thải)	8.300	
3	Phèn đơn lỏng 8%	4.600	
4	Chất chống bọt Antifoam VC-85	120	
V	Nhiên liệu		
1	Dầu DO 0.05S	3.017	
2	Dầu thủy lực Eneos Super Hyrando	372	
3	Xăng RON E5+ RON 95	5.600	
4	Khí gas Petrolimex	7.492	

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của dự án đầu tư, cơ sở

* Nước thải: Nước thải phát sinh từ công ty gồm nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp với khối lượng 6 tháng gần nhất (từ tháng 02/2026 đến hết tháng 07/2026) như sau:

STT	Loại nước thải	Trung bình khối lượng nước cấp (m ³ /tháng)	Trung bình khối lượng nước cấp (m ³ /ngày)
1	Nước sinh hoạt	260	8.6
2	Nước thải công nghiệp	1.029	34

* Khí thải:

STT	Nguồn phát sinh	Lưu lượng khí thải tối đa (m ³ /h)	Ghi chú
1	Buồng sơn nhỏ	11.000	Thực tế chỉ sử dụng TB 7h/ngày
2	Buồng sơn to	8.000	Thực tế chỉ sử dụng TB 7h/ngày
3	Bể tẩy mạ	15.000	Thực tế chỉ sử dụng TB 2h/ngày
4	Máy phun cát Growell	4.000	Thực tế chỉ sử dụng TB 2h/ngày
	Tổng	38.000	

*Chất thải: Thống kê khối lượng chất thải 6 tháng gần nhất (từ tháng 02/2026 đến hết tháng 07/2026)

- Chất thải công nghiệp thông thường:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Chất thải công nghiệp thường	7.213	
	Tổng	7.213	

- Chất thải nguy hại:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại (Rắn/Lỏng/Bùn)	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải	07 01 08	Rắn	1.275	
2	Sơn bột tĩnh điện thải	08 01 01	Rắn	2.000	
3	Bùn thải của quá trình phốt phát	07 01 04	Bùn	2.900	

Đề trung hòa axit HCl, đưa nồng độ PH về 6,5 -7,5 tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình keo tụ và tạo bông tiếp theo đồng thời đưa nước thải sang trạng thái trung hòa khi đến công đoạn sau.

- Bể phản ứng Plocc: Dung tích 1000 lít
Mục đích: Tạo kết dính các hạt lơ lửng trong nước thành những hạt có kích thước lớn để dễ lắng tụ trong quá trình xử lý nước.
- Bể lắng bùn: Dung tích 9000 lít
Tại bể lắng nước thải sau quá trình tạo bông, sẽ được lắng dưới đáy bể còn phần nước trong sẽ được dâng lên qua đường ống tẩm lắng và chảy tràn sang bể trung gian.
- Bể trung hòa: Dung tích 1.500 lít
Nhằm mục đích giảm lắng bớt các cặn nặng và bùn nổi trong nước thải
- Sau đó sẽ được bơm qua các cột lọc T1, T2
Cột lọc T1 vật liệu bao gồm: sỏi, cát thạch anh
Cột lọc T2 vật liệu bao gồm: than hoạt tính
- Bể gom Hố gas KCN:
Sau khi nước thải đã được xử lý triệt để qua các cột lọc thì sẽ thu gom theo đường ống để chảy ra hố gas KCN.
- Bể chứa bùn: Dung tích 5000 lít
Sau khi bùn lắng từ bể số 4 (Bể lắng bùn) sẽ được hút phần bùn lắng dưới đáy bể và gom vào bể chứa bùn
- Bể cấp bùn cho máy ép: Dung tích 1500 lít
Để cấp bùn cho máy ép từ trạng thái lỏng sang trạng thái rắn
- Máy ép bùn:
Sẽ được hút bùn từ bể chứa bùn ép hết nước thành dạng khô để thu gom đi xử lý chất thải
Phần nước ép sẽ được thu gom và chảy ra bể gom số 1.

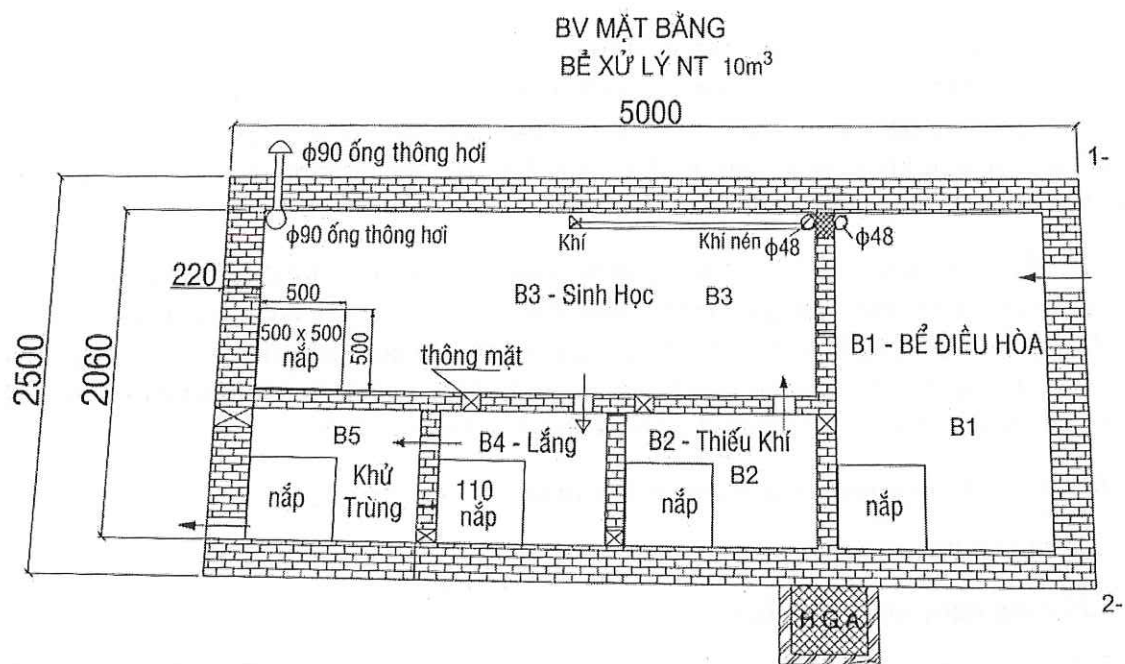
+ Bảng thông số kỹ thuật:

STT	Thiết bị / Hạng mục	Thông số kỹ thuật chi tiết
1	Bể phản ứng	Chất liệu nhựa Sơn Hà Tân Á Tân Mỹ, dung tích 1m ³ , khung đỡ bằng inox hộp 25x25mm.
2	Bể trung gian	Chất liệu nhựa Sơn Hà Tân Á Tân Mỹ, dung tích 5m ³ .
3	Bể lắng	Bể lắng đứng, dung tích 12m ³ , ống lắng trung tâm, máng thu nước răng cưa, chất liệu Composite.
4	Máy ép bùn	Model: RFP 10,50sm, 10 khung bản, vải lọc nhựa PP, lưu lượng 3-3.5m ³ /h, kích thước 2080x700x1100mm.
5	Đĩa phân phối khí	Kiểu phân phối bọt mịn, chất liệu màng EPDM, kích thước D270, lưu lượng 5-10m ³ /h.
6	Máy bơm lọc áp lực	Công suất 750W, điện áp 220V, đặt cạn, lưu lượng 3.5-5m ³ /h.
7	Cột lọc áp lực	Chất liệu Composite, mã cột 1665 (D400xH1625mm), van tự động súc rửa, vật liệu lọc: cát thạch anh, than hoạt tính, hạt trao đổi ion.
8	Bơm màng khí nén	Áp suất khí nén 7Bar, lưu lượng max 3.4m ³ /h, thân bơm nhựa, màng bơm Teflon.

9	Bơm hóa chất	Lưu lượng 30-50l/h, công suất 200W/380V.
10	Bộ điều chỉnh pH	Cảm biến pH tự động, dải đo 1-14.
11	Lọc tinh	Chất liệu inox, lõi PP 20 inch.

4.1.2. Phương án xử lý nước thải sinh hoạt (đang triển khai cải tạo, dự kiến hoàn thành tháng 11/2026)

+ Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải



+ Tổng quan hệ thống: Công suất thiết kế: 10m³/ngày đêm.

Công nghệ xử lý: Kết hợp quá trình sinh học thiếu khí (Anoxic), hiếu khí (Aerobic) dạng bùn hoạt tính lơ lửng, kết hợp lắng sinh học và khử trùng triệt để trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận chung của khu công nghiệp.

Kích thước công trình (mặt bằng): 5000x2500 (mm), được thiết kế chia thành các đơn nguyên xử lý liên hoàn khép kín.

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở bao gồm các hạng mục sau:

B1 - Bể Điều Hòa Vai trò: Tiếp nhận toàn bộ nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực văn phòng và nhà xưởng. Do lưu lượng nước thải trong ngày thường dao động theo giờ làm việc (giờ cao điểm và giờ nghỉ), bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và ổn định nồng độ các chất ô nhiễm (BOD, COD, TSS...) trước khi bơm sang các công đoạn xử lý tiếp theo. Đặc điểm: Được bố trí hệ thống ống cấp khí và nắp thăm thuận tiện cho việc bảo trì, kiểm tra định kỳ.

B2 - Bể Thiếu Khí (Anoxic) Vai trò: Tại đây diễn ra quá trình khử nitrat (NO₃ thành khí N₂ dưới sự hỗ trợ của hệ vi sinh vật thiếu khí và nguồn carbon có sẵn trong nước thải. Quá trình

này giúp loại bỏ một phần hợp chất hữu cơ và đóng vai trò quan trọng trong việc xử lý tổng hợp nitơ trong nước thải.

B3 - Bể Sinh Học Hiếu Khí (Aerobic / Sinh học) Vai trò: Là trái tim của hệ thống xử lý sinh học nhân tạo. Bể được cấp khí liên tục thông qua hệ thống phân phối khí nén (với các đường ống khí Ø48, Ø90) nhằm duy trì nồng độ oxy hòa tan (DO) cao. Cơ chế: Vi sinh vật hiếu khí sử dụng oxy để phân giải, oxy hóa các chất hữu cơ hòa tan trong nước thải thành sinh khối, khí carbon dioxide (CO_2) và nước (H_2O), làm giảm mạnh các chỉ số ô nhiễm hữu cơ (BOD, COD).

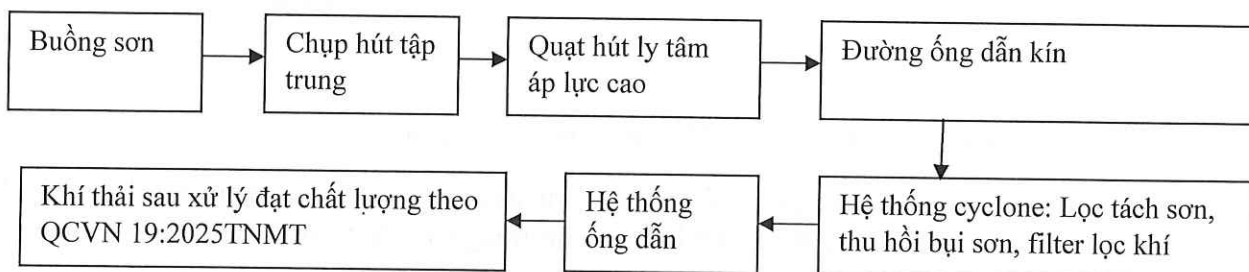
B4 - Bể Lắng Vai trò: Tách phần bùn hoạt tính và các cặn lơ lửng ra khỏi dòng nước sau khi qua bể sinh học hiếu khí. Cơ chế: Nước chuyển động từ dưới lên, các bông bùn sinh học nặng hơn sẽ lắng xuống đáy bể (một phần bùn lắng được tuần hoàn ngược lại về bể thiếu khí/hiếu khí để duy trì sinh khối, phần bùn dư được hút định kỳ), phần nước trong tràn sang bể tiếp theo thông qua mương thông mặt.

B5 - Bể Khử Trùng Vai trò: Khử trùng dòng nước sau lắng để tiêu diệt hoàn toàn các vi khuẩn, virus và vi sinh vật gây bệnh (như Coliform, E.coli...) có trong nước thải sinh hoạt. Đặc điểm: Sử dụng hóa chất khử trùng (thường là Clo hoặc hóa chất chuyên dụng) được châm định lượng. Sau khi qua bể khử trùng, nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép và được đầu nối vào hệ thống thu gom của KCN Quang Minh.

4.2. Phương án thu gom, quản lý, xử lý khí thải:

4.2.1. Khu vực buồng sơn

+ Sơ đồ công nghệ xử lý khí thải:



+ **Hệ thống thu gom:** Khí thải được thu gom tập trung bằng hệ thống chụp hút đặt tại các cửa buồng sơn, kết hợp quạt hút ly tâm áp lực cao đẩy dòng khí theo đường ống kín di chuyển từ trong xưởng vươn thẳng lên cao qua mái xưởng.

Tại 2 buồng sấy, quạt hút tản nhiệt chuyên dụng được lắp đặt để hút trực tiếp lượng nhiệt thừa và không khí sạch (không chứa bụi sơn hay dung môi độc hại) trong quá trình sấy, dẫn thẳng lên cao qua mái xưởng nhằm thông gió và làm mát không gian làm việc.

+ **Quy trình xử lý:**

Dòng khí chứa bụi sơn và tạp chất sau khi được thu gom được dẫn vào thiết bị lọc bụi Cyclone. Tại đây, dưới tác dụng của lực ly tâm, dòng khí chuyển động xoáy bên trong thiết bị. Các hạt bụi sơn có kích thước lớn, có khối lượng lớn hơn sẽ bị lực ly tâm đẩy về phía thành thiết bị, giảm vận tốc và rơi xuống đáy Cyclone, được thu gom để quản lý theo quy định.

Sau quá trình tách bụi tại Cyclone, dòng khí tiếp tục được dẫn qua hệ thống lọc khí nhằm tiếp tục loại bỏ các thành phần ô nhiễm còn lại trước khi đưa ra ngoài môi trường.

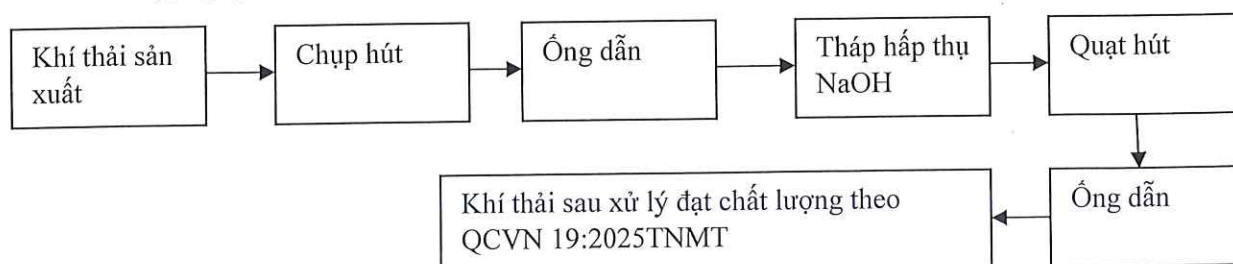
+ Quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng: QCVN 19:2024/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp)

+ Bảng thông số thiết bị:

STT	Tên thiết bị / Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Chức năng chính
1	Hệ thống chụp hút	- Kích thước chụp: Phù hợp với cửa buồng sơn/sấy - Vật liệu: Tôn mạ kẽm hoặc inox	02 bộ	Thu gom triệt để khí thải, bụi phát sinh tại nguồn.
2	Quạt hút ly tâm áp lực cao	- Lưu lượng: ~ 13.000 – 15.000 m ³ /h - Công suất động cơ: 11kw và 15kw - Áp suất tĩnh: Đảm bảo vượt trở lực đường ống	02 cái	Tạo lực hút để thu gom và đẩy dòng khí thải di chuyển qua hệ thống ống dẫn vào thiết bị lọc.
3	Thiết bị lọc bụi Cyclone	- Hiệu suất xử lý bụi: 80% - 90% - Vật liệu chế tạo: Thép tấm sơn chống gỉ - Cấu tạo: Thân hình trụ, đáy phễu thu hồi	02 thiết bị	Tách các hạt bụi sơn có kích thước lớn ra khỏi dòng khí nhờ lực ly tâm xoáy lốc.
4	Hệ thống đường ống dẫn khí	- Đường kính: Phù hợp với lưu lượng quạt - Chất liệu: Thép kín, có lớp bảo ôn/chống rò rỉ	02 hệ thống	Dẫn truyền khép kín dòng khí thải từ nguồn phát sinh đến thiết bị xử lý và ống khói.
5	Ống khói thải	- Chiều cao: Vượt cao hơn mái xưởng (đảm bảo độ cao an toàn) - Có trang bị điểm lấy mẫu khí thải định kỳ	02 ống	Phát tán khí sạch sau xử lý ra môi trường bên ngoài.

4.2.2. Khu vực bề mặt

+ Sơ đồ công nghệ:

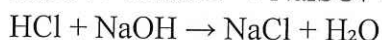
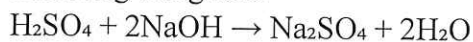


+ Quy trình xử lý:

- Nguồn phát sinh & Thành phần ô nhiễm: Khí thải từ bể tẩy axit HCl và bể tẩy dầu
- Hệ thống thu gom: Bố trí chụp hút tại mép bể; khí được thu gom qua ống dẫn chịu axit với vận tốc duy trì từ 8 - 10 m/s.

Tháp hấp thụ NaOH: Khí chuyển động ngược chiều với dung dịch NaOH nồng độ 2 - 4% qua lớp đệm tăng diện tích tiếp xúc để thực hiện quá trình hấp thụ và trung hòa các thành phần khí có tính axit trong dòng khí thải.

Phản ứng trung hòa:



- Bể tuần hoàn & Bơm định lượng: Cấp dung dịch tuần hoàn và tự động điều chỉnh độ pH trong khoảng 8 - 10.
- Quạt ly tâm & Đường ống: Sử dụng vật liệu FRP (nhựa Composite chống ăn mòn) với lưu lượng khoảng 15.000 m³/h, công suất 5,5kw.

+ Quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng: QCVN 19:2024/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp)

+ Bảng thông số kỹ thuật:

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Chi tiết/Giá trị
1	Hệ thống chụp hút & thu gom	Vận tốc khí trong ống dẫn	08 - 10 m/s
2	Hệ thống chụp hút & thu gom	Vật liệu ống dẫn	Chịu axit
3	Tháp hấp thụ NaOH	Nồng độ dung dịch NaOH	2 - 4%
4	Tháp hấp thụ NaOH	Nguyên lý hoạt động	Khí đi ngược chiều dung dịch NaOH
5	Tháp hấp thụ NaOH	Cấu tạo đặc biệt	Lớp đệm tăng diện tích tiếp xúc pha
6	Quạt ly tâm	Vật liệu chế tạo	FRP (nhựa Composite chống ăn mòn)
7	Quạt ly tâm	Lưu lượng quạt	15.000 m ³ /h
8	Hệ thống khác	Bể tuần hoàn & bơm định lượng	Điều chỉnh pH trong khoảng 8 - 10
9	Hệ thống khác	Tiêu chuẩn khí thải đầu ra	QCVN 19:2025/BTNMT

	hạt thép	• Động cơ điện: 7.5 HP, 2 Pole, 380/415 V (01 bộ) • Lưu lượng thu hồi: 30 kg/min
6	Tủ điện điều khiển & Năng lượng	• Thiết bị điều khiển: Màn hình cảm ứng HMI, PLC (Mitsubishi, Omzon, Fuji...) • Tổng công suất điện tiêu thụ: 8.7 HP, 380/415 V, 3 pha, 50 Hz • Lưu lượng khí nén tiêu thụ: 3.500 L/min

4.3. Phương án thu gom, quản lý, xử lý chất thải

4.3.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

+ Nguồn phát sinh: Từ các hoạt động sinh hoạt, ăn uống, vệ sinh của cán bộ, công nhân viên.

+ Phương án thu gom:

Tại nguồn: Bố trí các thùng đựng rác có nắp đậy (phân loại cơ bản thành rác hữu cơ, rác tái chế và rác thải khác) tại các khu vực văn phòng, nhà ăn, khu vực vệ sinh và khuôn viên nhà xưởng.

Tập kết: Định kỳ hàng ngày, nhân viên bộ phận vệ sinh thực hiện thu gom rác tại các điểm đặt thùng, cho vào các túi nilon và vận chuyển về khu vực lưu giữ tạm thời của cơ sở (khu vực khô ráo, có mái che).

+ Phương án quản lý và xử lý: Ký hợp đồng thu gom, vận chuyển hàng tuần và xử lý với đơn vị Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina và Công ty Cổ phần công trình độ thị Long Biên có chức năng được cơ quan nhà nước cấp phép.

4.3.2. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

+ Nguồn phát sinh: Từ quá trình gia công, bao bì đóng gói thải (giấy, carton, gỗ, pallet hỏng, nilon), sản phẩm hỏng/phế liệu trong quá trình sản xuất.

+ Phương án thu gom:

Tại nguồn: Đặt các thùng chứa, rổ nhựa hoặc khu vực quây lưới/bạt riêng biệt ngay tại các bộ phận sản xuất và khu vực đóng gói để thu gom phế liệu ngay khi phát sinh.

Tập kết: Vận chuyển hàng ngày về kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường. Kho được thiết kế đảm bảo chống mưa tạt, không để chất thải rò rỉ ra môi trường bên ngoài.

+ Phương án quản lý và xử lý:

Tái sử dụng/Tái chế: Đối với các loại phế liệu có giá trị (như nhôm vụn, inox, thép phế liệu): Định kỳ chuyển giao cho các đơn vị có chức năng tái chế CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP XANH hợp pháp theo đúng quy định.

Xử lý: Đối với các loại bao bì bẩn, rác thải công nghiệp thông thường không có khả năng tái chế: Ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý với đơn vị Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina. Thực hiện đầy đủ việc lập hồ sơ, chứng từ giao nhận chất thải theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường hiện hành.

4.3.3. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh hoặc dự kiến phát sinh:

+ Nguồn phát sinh: Từ các hoạt động bảo dưỡng máy móc thiết bị, vận hành dây chuyền sản xuất (gia công cơ khí, hàn, sơn, mạ...), hoạt động bảo trì hệ thống điện bao gồm dự kiến phát sinh: Bùn thải; Sơn bột tĩnh điện thải; Bùn thải của quá trình phốt phat; Đá mài, giấy ráp; Giẻ lau, găng tay dính hóa chất; Bao bì nhựa dính hóa chất; Mạt sắt, phoi khoan; Nước thải chứa thành phần nguy hại; Bóng đèn các loại.

+ Phương án thu gom và phân loại:

Phân loại tại nguồn: Ngay khi phát sinh, các loại CTNH được phân loại và không để lẫn với chất thải rắn sinh hoạt hay chất thải công nghiệp thông thường.

Thiết bị chứa: Sử dụng các thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn cảnh báo CTNH theo đúng mã danh mục.

Tập kết: Hàng ngày, vận chuyển về kho chứa chất thải nguy hại của cơ sở. Kho được thiết kế đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật (có mái che chống mưa, nền chống thấm, có gờ chắn sự cố rò rỉ hóa chất và trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố).

+ Phương án quản lý và xử lý:

Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng: Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina

Chứng từ và Sổ quản lý: Thực hiện lập và lưu giữ đầy đủ Chứng từ chất thải nguy hại mỗi khi giao nhận; cập nhật số liệu vào sổ quản lý CTNH theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị UBND xã Quang Minh, Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội tiếp nhận đăng ký môi trường của Công ty cổ phần sản xuất và phát triển công nghiệp Việt Nhật.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HCNS.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thu Hồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN
XUẤT VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NHẬT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1808/ĐK-IDM/2026
V/v đăng ký môi trường của cơ sở

Quang Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: **Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội**

Công ty cổ phần sản xuất và phát triển công nghiệp Việt Nhật (INDEMA) thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 46B, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, TP Hà Nội

- Giấy chứng nhận đầu tư/dăng ký kinh doanh số: 0106515129

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thu Hồng

- Điện thoại: 024 73 06 6060 ; e-mail: hcns@indema.com.vn

Công ty cổ phần sản xuất và phát triển công nghiệp Việt Nhật (INDEMA) đăng ký môi trường với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về dự án đầu tư, cơ sở

- Tên dự án đầu tư, cơ sở: Công ty cổ phần sản xuất và phát triển công nghiệp Việt Nhật (INDEMA)

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư, cơ sở; nguồn vốn:

+ Địa điểm: Lô 46B, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, TP Hà Nội

+ Nguồn vốn: 10.000.000.000 đồng

- Quy mô: diện tích nhà xưởng 6073m² với khoảng 140 lao động.

- Công suất: ~ 2.000 tấn/năm

- Công nghệ: Tiếp nhận nguyên liệu → CNC laser/Đột CNC/Chấn CNC/Đột dập → Hàn → Mài → Mạ điện phân/Sơn tĩnh điện → Lắp ráp → Kiểm tra chất lượng → Đóng gói xuất xưởng

2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của cơ sở năm 2025

STT	Tên NVL	Khối lượng (kg)	Ghi chú
I	Nguyên vật liệu		
1	Thép tấm	1.438.000	
2	Thép hộp	37.664	
3	Thép V	431.174	
4	NVL thép khác	6.802	
5	Sơn bột	13.542	
II	Hóa chất sơn		
1	Hóa chất xử lý bề mặt ENALESS 70V Makeup (Phốt phát pha mới)	1.760	
2	Hóa chất xử lý bề mặt NEUTRALIZER 4055 (Chất điều chỉnh)	120	
3	Hóa chất xử lý bề mặt ACCELERATOR 131 (Tăng tốc)	525	
4	Hóa chất xử lý bề mặt PREPALENE ZNT (Chất định hình)	640	
5	Hóa chất xử lý bề mặt ENALESS 70V Replenishing (Phốt phát châm thêm)	2.160	
6	Hóa chất xử lý bề mặt TITRANT 11 (Chất chuẩn độ)	10,000	
7	Hóa chất xử lý bề mặt TITRANT 20 (Chất chuẩn độ)	3,000	
8	Hóa chất xử lý bề mặt REAGENT 205 (Chất đo tăng tốc)	5,250	
III	Hóa chất mạ	1.200	
1	Cleaner bos- tẩy dầu nóng	22.950	
2	Axit HCL 30%	1.050	
3	Dung dịch HNO3	150	
4	Axit Cromic (CrO3)	2.500	

5	Amoni clorua tinh khiết - NH_4Cl	400	
6	Hóa chất ZnCl_2	6.241	
7	Kẽm thỏi	3.660	
8	Dung dịch dẻo kẽm 6700AV (20kg/can)	840	
9	Dung dịch NH_3OH	3.000	
10	Dung dịch Cr 3+ (chế phẩm dung dịch thụ động HK21 Plus)	25	
11	Chế phẩm dung dịch thụ động Crom3 (7 màu)	100	
12	Keo phủ mạ kẽm HK-94C	50	
13	Hóa chất ức chế ăn Pickle Aid	3.650	
14	Muối Kali Clorua- KCl	600	
15	Hóa chất tẩy dầu clean 50P	1.230	
16	Hóa chất tẩy mùn HK POLISH-201	1.200	
IV	Hóa chất xử lý nước thải		
1	Polyme	75	
2	Hóa chất NaOH 98% (Bột Xút xử lí nước thải)	8.300	
3	Phèn đơn lỏng 8%	4.600	
4	Chất chống bọt Antifoam VC-85	120	
V	Nhiên liệu		
1	Dầu DO 0.05S	3.017	
2	Dầu thủy lực Eneos Super Hyrando	372	
3	Xăng RON E5+ RON 95	5.600	
4	Khí gas Petrolimex	7.492	

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của dự án đầu tư, cơ sở

* Nước thải: Nước thải phát sinh từ công ty gồm nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp với khối lượng 6 tháng gần nhất (từ tháng 02/2026 đến hết tháng 07/2026) như sau:

STT	Loại nước thải	Trung bình khối lượng nước cấp (m ³ /tháng)	Trung bình khối lượng nước cấp (m ³ /ngày)
1	Nước sinh hoạt	260	8.6
2	Nước thải công nghiệp	1.029	34

* Khí thải:

STT	Nguồn phát sinh	Lưu lượng khí thải tối đa (m ³ /h)	Ghi chú
1	Buồng sơn nhỏ	11.000	Thực tế chỉ sử dụng TB 7h/ngày
2	Buồng sơn to	8.000	Thực tế chỉ sử dụng TB 7h/ngày
3	Bể tẩy mạ	15.000	Thực tế chỉ sử dụng TB 2h/ngày
4	Máy phun cát Growell	4.000	Thực tế chỉ sử dụng TB 2h/ngày
	Tổng	38.000	

*Chất thải: Thống kê khối lượng chất thải 6 tháng gần nhất (từ tháng 02/2026 đến hết tháng 07/2026)

- Chất thải công nghiệp thông thường:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Chất thải công nghiệp thường	7.213	
	Tổng	7.213	

- Chất thải nguy hại:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại (Rắn/Lỏng/Bùn)	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Bùn thải	07 01 08	Rắn	1.275	
2	Sơn bột tĩnh điện thải	08 01 01	Rắn	2.000	
3	Bùn thải của quá trình phốt phát	07 01 04	Bùn	2.900	

Để trung hòa axit HCl, đưa nồng độ PH về 6,5 -7,5 tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình keo tụ và tạo bông tiếp theo đồng thời đưa nước thải sang trạng thái trung hòa khi đến công đoạn sau.

- Bể phản ứng Plocc: Dung tích 1000 lít
Mục đích: Tạo kết dính các hạt lơ lửng trong nước thành những hạt có kích thước lớn để dễ lắng tụ trong quá trình xử lý nước.
- Bể lắng bùn: Dung tích 9000 lít
Tại bể lắng nước thải sau quá trình tạo bông, sẽ được lắng dưới đáy bể còn phần nước trong sẽ được dâng lên qua đường ống tảo lắng và chảy tràn sang bể trung gian.
- Bể trung hòa: Dung tích 1.500 lít
Nhằm mục đích giảm lắng bớt các cặn nặng và bùn nổi trong nước thải
- Sau đó sẽ được bơm qua các cột lọc T1, T2
Cột lọc T1 vật liệu bao gồm: sỏi, cát thạch anh
Cột lọc T2 vật liệu bao gồm: than hoạt tính
- Bể gom Hô gas KCN:
Sau khi nước thải đã được xử lý triệt để qua các cột lọc thì sẽ thu gom theo đường ống để chảy ra hồ gas KCN.
- Bể chứa bùn: Dung tích 5000 lít
Sau khi bùn lắng từ bể số 4 (Bể lắng bùn) sẽ được hút phần bùn lắng dưới đáy bể và gom vào bể chứa bùn
- Bể cấp bùn cho máy ép: Dung tích 1500 lít
Để cấp bùn cho máy ép từ trạng thái lỏng sang trạng thái rắn
- Máy ép bùn:
Sẽ được hút bùn từ bể chứa bùn ép hết nước thành dạng khô để thu gom đi xử lý chất thải
Phần nước ép sẽ được thu gom và chảy ra bể gom số 1.

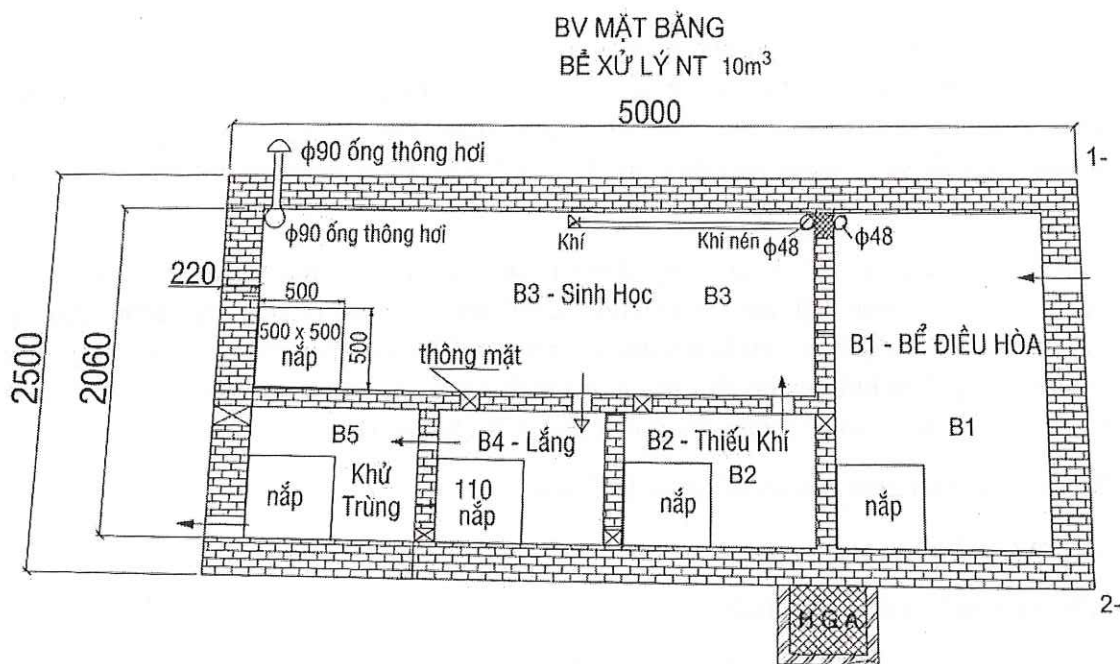
+ Bảng thông số kỹ thuật:

STT	Thiết bị / Hạng mục	Thông số kỹ thuật chi tiết
1	Bể phản ứng	Chất liệu nhựa Sơn Hà Tân Á Tân Mỹ, dung tích 1m ³ , khung đỡ bằng inox hộp 25x25mm.
2	Bể trung gian	Chất liệu nhựa Sơn Hà Tân Á Tân Mỹ, dung tích 5m ³ .
3	Bể lắng	Bể lắng đứng, dung tích 12m ³ , ống lắng trung tâm, máng thu nước răng cưa, chất liệu Composite.
4	Máy ép bùn	Model: RFP 10,50sm, 10 khung bản, vải lọc nhựa PP, lưu lượng 3-3.5m ³ /h, kích thước 2080x700x1100mm.
5	Đĩa phân phối khí	Kiểu phân phối bọt mịn, chất liệu màng EPDM, kích thước D270, lưu lượng 5-10m ³ /h.
6	Máy bơm lọc áp lực	Công suất 750W, điện áp 220V, đặt cạn, lưu lượng 3.5-5m ³ /h.
7	Cột lọc áp lực	Chất liệu Composite, mã cột 1665 (D400xH1625mm), van tự động súc rửa, vật liệu lọc: cát thạch anh, than hoạt tính, hạt trao đổi ion.
8	Bơm màng khí nén	Áp suất khí nén 7Bar, lưu lượng max 3.4m ³ /h, thân bơm nhựa, màng bơm Teflon.

9	Bơm hóa chất	Lưu lượng 30-50l/h, công suất 200W/380V.
10	Bộ điều chỉnh pH	Cảm biến pH tự động, dải đo 1-14.
11	Lọc tinh	Chất liệu inox, lõi PP 20 inch.

4.1.2. Phương án xử lý nước thải sinh hoạt (đang triển khai cải tạo, dự kiến hoàn thành tháng 11/2026)

+ Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải



+ Tổng quan hệ thống: Công suất thiết kế: 10m³/ngày đêm.

Công nghệ xử lý: Kết hợp quá trình sinh học thiếu khí (Anoxic), hiếu khí (Aerobic) dạng bùn hoạt tính lơ lửng, kết hợp lắng sinh học và khử trùng triệt để trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận chung của khu công nghiệp.

Kích thước công trình (mặt bằng): 5000x2500 (mm), được thiết kế chia thành các đơn nguyên xử lý liên hoàn khép kín.

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở bao gồm các hạng mục sau:

B1 - Bể Điều Hòa Vai trò: Tiếp nhận toàn bộ nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực văn phòng và nhà xưởng. Do lưu lượng nước thải trong ngày thường dao động theo giờ làm việc (giờ cao điểm và giờ nghỉ), bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và ổn định nồng độ các chất ô nhiễm (BOD, COD, TSS...) trước khi bơm sang các công đoạn xử lý tiếp theo. Đặc điểm: Được bố trí hệ thống ống cấp khí và nắp thăm thuận tiện cho việc bảo trì, kiểm tra định kỳ.

B2 - Bể Thiểu Khí (Anoxic) Vai trò: Tại đây diễn ra quá trình khử nitrat (NO_3 thành khí N_2 dưới sự hỗ trợ của hệ vi sinh vật thiếu khí và nguồn carbon có sẵn trong nước thải. Quá trình

này giúp loại bỏ một phần hợp chất hữu cơ và đóng vai trò quan trọng trong việc xử lý tổng hợp nitơ trong nước thải.

B3 - Bể Sinh Học Hiếu Khí (Aerobic / Sinh học) Vai trò: Là trái tim của hệ thống xử lý sinh học nhân tạo. Bể được cấp khí liên tục thông qua hệ thống phân phối khí nén (với các đường ống khí Ø48, Ø90) nhằm duy trì nồng độ oxy hòa tan (DO) cao. Cơ chế: Vi sinh vật hiếu khí sử dụng oxy để phân giải, oxy hóa các chất hữu cơ hòa tan trong nước thải thành sinh khối, khí carbon dioxide (CO_2) và nước (H_2O), làm giảm mạnh các chỉ số ô nhiễm hữu cơ (BOD, COD).

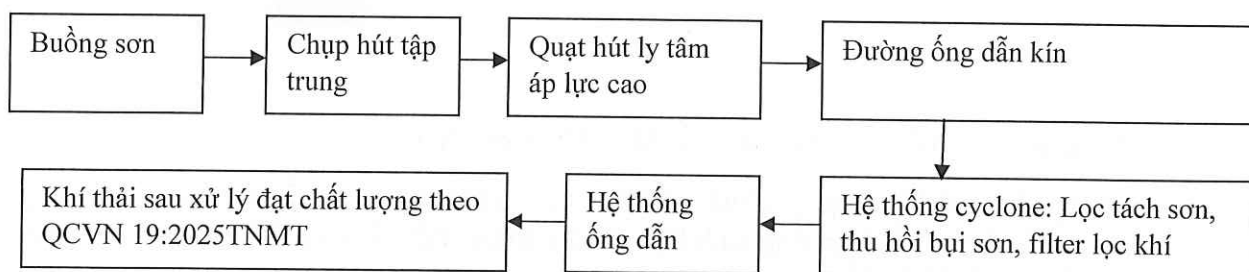
B4 - Bể Lắng Vai trò: Tách phần bùn hoạt tính và các cặn lơ lửng ra khỏi dòng nước sau khi qua bể sinh học hiếu khí. Cơ chế: Nước chuyển động từ dưới lên, các bông bùn sinh học nặng hơn sẽ lắng xuống đáy bể (một phần bùn lắng được tuần hoàn ngược lại về bể thiếu khí/hiếu khí để duy trì sinh khối, phần bùn dư được hút định kỳ), phần nước trong tràn sang bể tiếp theo thông qua mương thông mặt.

B5 - Bể Khử Trùng Vai trò: Khử trùng dòng nước sau lắng để tiêu diệt hoàn toàn các vi khuẩn, virus và vi sinh vật gây bệnh (như Coliform, E.coli...) có trong nước thải sinh hoạt. Đặc điểm: Sử dụng hóa chất khử trùng (thường là Clo hoặc hóa chất chuyên dụng) được châm định lượng. Sau khi qua bể khử trùng, nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép và được đầu nối vào hệ thống thu gom của KCN Quang Minh.

4.2. Phương án thu gom, quản lý, xử lý khí thải:

4.2.1. Khu vực buồng sơn

+ Sơ đồ công nghệ xử lý khí thải:



+ **Hệ thống thu gom:** Khí thải được thu gom tập trung bằng hệ thống chụp hút đặt tại các cửa buồng sơn, kết hợp quạt hút ly tâm áp lực cao đẩy dòng khí theo đường ống kín đi chuyển từ trong xưởng vươn thẳng lên cao qua mái xưởng.

Tại 2 buồng sấy, quạt hút tản nhiệt chuyên dụng được lắp đặt để hút trực tiếp lượng nhiệt thừa và không khí sạch (không chứa bụi sơn hay dung môi độc hại) trong quá trình sấy, dẫn thẳng lên cao qua mái xưởng nhằm thông gió và làm mát không gian làm việc.

+ **Quy trình xử lý:**

Dòng khí chứa bụi sơn và tạp chất sau khi được thu gom được dẫn vào thiết bị lọc bụi Cyclone. Tại đây, dưới tác dụng của lực ly tâm, dòng khí chuyển động xoáy bên trong thiết bị. Các hạt bụi sơn có kích thước lớn, có khối lượng lớn hơn sẽ bị lực ly tâm đẩy về phía thành thiết bị, giảm vận tốc và rơi xuống đáy Cyclone, được thu gom để quản lý theo quy định.

Sau quá trình tách bụi tại Cyclone, dòng khí tiếp tục được dẫn qua hệ thống lọc khí nhằm tiếp tục loại bỏ các thành phần ô nhiễm còn lại trước khi đưa ra ngoài môi trường.

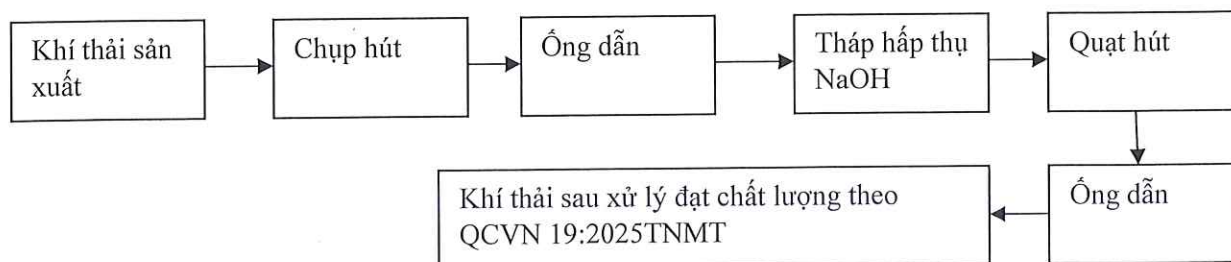
+ Quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng: QCVN 19:2024/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp)

+ **Bảng thông số thiết bị:**

STT	Tên thiết bị / Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Chức năng chính
1	Hệ thống chụp hút	- Kích thước chụp: Phù hợp với cửa buồng sơn/sấy - Vật liệu: Tôn mạ kẽm hoặc inox	02 bộ	Thu gom triệt để khí thải, bụi phát sinh tại nguồn.
2	Quạt hút ly tâm áp lực cao	- Lưu lượng: ~ 13.000 – 15.000 m ³ /h - Công suất động cơ: 11kw và 15kw - Áp suất tĩnh: Đảm bảo vượt trở lực đường ống	02 cái	Tạo lực hút để thu gom và đẩy dòng khí thải di chuyển qua hệ thống ống dẫn vào thiết bị lọc.
3	Thiết bị lọc bụi Cyclone	- Hiệu suất xử lý bụi: 80% - 90% - Vật liệu chế tạo: Thép tấm sơn chống gỉ - Cấu tạo: Thân hình trụ, đáy phễu thu hồi	02 thiết bị	Tách các hạt bụi sơn có kích thước lớn ra khỏi dòng khí nhờ lực ly tâm xoáy lốc.
4	Hệ thống đường ống dẫn khí	- Đường kính: Phù hợp với lưu lượng quạt - Chất liệu: Thép kín, có lớp bảo ôn/chống rò rỉ	02 hệ thống	Dẫn truyền khép kín dòng khí thải từ nguồn phát sinh đến thiết bị xử lý và ống khói.
5	Ống khói thải	- Chiều cao: Vượt cao hơn mái xưởng (đảm bảo độ cao an toàn) - Có trang bị điểm lấy mẫu khí thải định kỳ	02 ống	Phát tán khí sạch sau xử lý ra môi trường bên ngoài.

4.2.2. Khu vực bề mặt

+ Sơ đồ công nghệ:

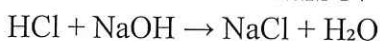
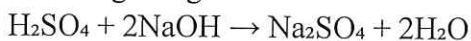


+ Quy trình xử lý:

- Nguồn phát sinh & Thành phần ô nhiễm: Khí thải từ bể tẩy axit HCl và bể tẩy dầu
- Hệ thống thu gom: Bố trí chụp hút tại mép bể; khí được thu gom qua ống dẫn chịu axit với vận tốc duy trì từ 8 - 10 m/s.

Tháp hấp thụ NaOH: Khí chuyển động ngược chiều với dung dịch NaOH nồng độ 2 - 4% qua lớp đệm tăng diện tích tiếp xúc để thực hiện quá trình hấp thụ và trung hòa các thành phần khí có tính axit trong dòng khí thải.

Phản ứng trung hòa:



- Bể tuần hoàn & Bơm định lượng: Cấp dung dịch tuần hoàn và tự động điều chỉnh độ pH trong khoảng 8 - 10.
- Quạt ly tâm & Đường ống: Sử dụng vật liệu FRP (nhựa Composite chống ăn mòn) với lưu lượng khoảng 15.000 m³/h, công suất 5,5kw.

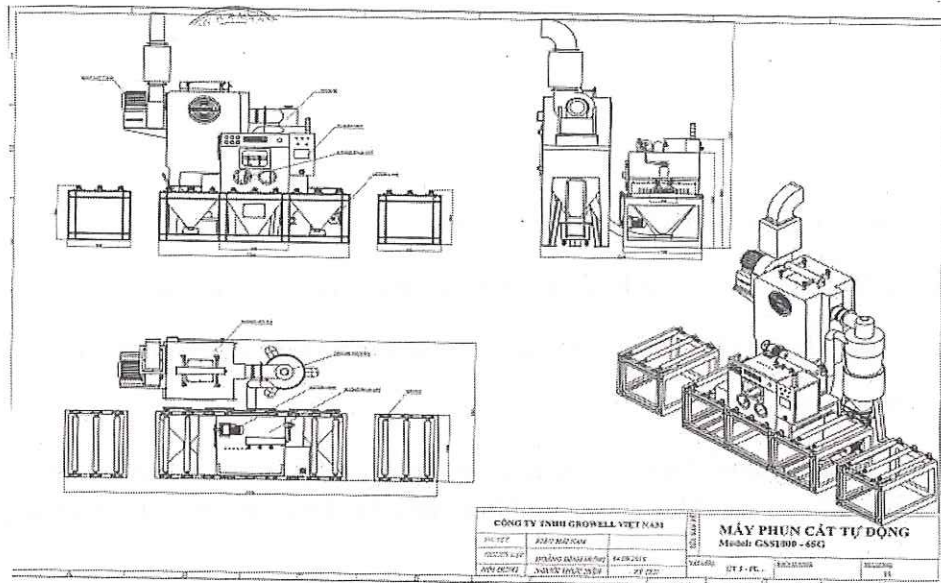
+ Quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng: QCVN 19:2024/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp)

+ Bảng thông số kỹ thuật:

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Chi tiết/Giá trị
1	Hệ thống chụp hút & thu gom	Vận tốc khí trong ống dẫn	08 - 10 m/s
2	Hệ thống chụp hút & thu gom	Vật liệu ống dẫn	Chịu axit
3	Tháp hấp thụ NaOH	Nồng độ dung dịch NaOH	2 - 4%
4	Tháp hấp thụ NaOH	Nguyên lý hoạt động	Khí đi ngược chiều dung dịch NaOH
5	Tháp hấp thụ NaOH	Cấu tạo đặc biệt	Lớp đệm tăng diện tích tiếp xúc pha
6	Quạt ly tâm	Vật liệu chế tạo	FRP (nhựa Composite chống ăn mòn)
7	Quạt ly tâm	Lưu lượng quạt	15.000 m ³ /h
8	Hệ thống khác	Bể tuần hoàn & bơm định lượng	Điều chỉnh pH trong khoảng 8 - 10
9	Hệ thống khác	Tiêu chuẩn khí thải đầu ra	QCVN 19:2025/BTNMT

4.2.3. Máy phun cát Growel

+ Sơ đồ công nghệ:



+ Quy trình xử lý:

- Hệ thống hút và thu hồi khép kín: Máy sử dụng một quạt hút bụi có lưu lượng 4.000 m³/h kết hợp với động cơ điện công suất để tạo lực hút khí và bụi từ buồng phun cát.
- Nguyên lý tách lọc bụi: Dòng khí lẫn bụi hạt thép/cát kỹ thuật được quạt hút dẫn qua hệ thống cyclone tách bụi và lõi lọc chuyên dụng bên trong buồng hút bụi. Tại đây, các hạt bụi và hạt mài kích thước lớn sẽ được giữ lại để tái sử dụng, trong khi dòng khí sạch hơn tiếp tục đi qua các cấp lọc tinh.
- Thải khí ra môi trường: Sau khi đi qua hệ thống lọc bụi của máy phun cát, phần khí sạch (đã loại bỏ hầu hết bụi kỹ thuật) sẽ được quạt hút đẩy thoát ra ngoài môi trường thông qua đường ống xả của thiết bị theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đi kèm máy

+ Quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng: QCVN 19:2024/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp)

+ Bảng thông số thiết bị:

STT	Hạng mục thiết bị	Mô tả chi tiết kỹ thuật
1	Súng phun cát tự hút	• Áp lực làm việc: 4-6 bar (có núm điều chỉnh áp lực) • Áp lực khí nén xả liên tục tại vòi phun: 580 L/min/súng • Số lượng: 6 bộ tự động + 01 bộ phun tay
2	Buồng phun cát tự động	• Kích thước: 1000 mm (W) x 900 mm (L) x 1785 mm (H) • Kích thước cửa ra vào sản phẩm: 150 mm (W) x 850 mm (L)
3	Motor xoay súng	• Động cơ giảm tốc: 1/2 HP, 4 Pole, 380/415 V, tỷ lệ 1/20 (01 bộ)
4	Motor băng tải con lăn	• Tốc độ: 1.9 m/min (có biến tần điều chỉnh tốc độ) • Động cơ giảm tốc: 0.75 HP, 4 Pole, 380/415 V, tỷ lệ 1/60 (01 bộ)
5	Quạt hút bụi, thu hồi	• Lưu lượng hút: Q = 4.000 m³/h

	hạt thép	• Động cơ điện: 7.5 HP, 2 Pole, 380/415 V (01 bộ) • Lưu lượng thu hồi: 30 kg/min
6	Tủ điện điều khiển & Năng lượng	• Thiết bị điều khiển: Màn hình cảm ứng HMI, PLC (Mitsubishi, Omzon, Fuji...) • Tổng công suất điện tiêu thụ: 8.7 HP, 380/415 V, 3 pha, 50 Hz • Lưu lượng khí nén tiêu thụ: 3.500 L/min

4.3. Phương án thu gom, quản lý, xử lý chất thải

4.3.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

+ Nguồn phát sinh: Từ các hoạt động sinh hoạt, ăn uống, vệ sinh của cán bộ, công nhân viên.

+ Phương án thu gom:

Tại nguồn: Bố trí các thùng đựng rác có nắp đậy (phân loại cơ bản thành rác hữu cơ, rác tái chế và rác thải khác) tại các khu vực văn phòng, nhà ăn, khu vực vệ sinh và khuôn viên nhà xưởng.

Tập kết: Định kỳ hàng ngày, nhân viên bộ phận vệ sinh thực hiện thu gom rác tại các điểm đặt thùng, cho vào các túi nilon và vận chuyển về khu vực lưu giữ tạm thời của cơ sở (khu vực khô ráo, có mái che).

+ Phương án quản lý và xử lý: Ký hợp đồng thu gom, vận chuyển hàng tuần và xử lý với đơn vị Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina và Công ty Cổ phần công trình độ thị Long Biên có chức năng được cơ quan nhà nước cấp phép.

4.3.2. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

+ Nguồn phát sinh: Từ quá trình gia công, bao bì đóng gói thải (giấy, carton, gỗ, pallet hỏng, nilon), sản phẩm hỏng/phế liệu trong quá trình sản xuất.

+ Phương án thu gom:

Tại nguồn: Đặt các thùng chứa, rổ nhựa hoặc khu vực quây lưới/bạt riêng biệt ngay tại các bộ phận sản xuất và khu vực đóng gói để thu gom phế liệu ngay khi phát sinh.

Tập kết: Vận chuyển hàng ngày về kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường. Kho được thiết kế đảm bảo chống mưa tạt, không để chất thải rò rỉ ra môi trường bên ngoài.

+ Phương án quản lý và xử lý:

Tái sử dụng/Tái chế: Đối với các loại phế liệu có giá trị (như nhôm vụn, inox, thép phế liệu): Định kỳ chuyển giao cho các đơn vị có chức năng tái chế CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP XANH hợp pháp theo đúng quy định.

Xử lý: Đối với các loại bao bì bẩn, rác thải công nghiệp thông thường không có khả năng tái chế: Ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý với đơn vị Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina. Thực hiện đầy đủ việc lập hồ sơ, chứng từ giao nhận chất thải theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường hiện hành.

4.3.3. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh hoặc dự kiến phát sinh:

+ Nguồn phát sinh: Từ các hoạt động bảo dưỡng máy móc thiết bị, vận hành dây chuyền sản xuất (gia công cơ khí, hàn, sơn, mạ...), hoạt động bảo trì hệ thống điện bao gồm dự kiến phát sinh: Bùn thải; Sơn bột tĩnh điện thải; Bùn thải của quá trình phốt phát; Đá mài, giấy ráp; Giẻ lau, găng tay dính hóa chất; Bao bì nhựa dính hóa chất; Mạt sắt, phoi khoan; Nước thải chứa thành phần nguy hại; Bóng đèn các loại.

+ Phương án thu gom và phân loại:

Phân loại tại nguồn: Ngay khi phát sinh, các loại CTNH được phân loại và không để lẫn với chất thải rắn sinh hoạt hay chất thải công nghiệp thông thường.

Thiết bị chứa: Sử dụng các thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn cảnh báo CTNH theo đúng mã danh mục.

Tập kết: Hàng ngày, vận chuyển về kho chứa chất thải nguy hại của cơ sở. Kho được thiết kế đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật (có mái che chống mưa, nền chống thấm, có gờ chắn sự cố rò rỉ hóa chất và trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố).

+ Phương án quản lý và xử lý:

Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng: Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina

Chứng từ và Sổ quản lý: Thực hiện lập và lưu giữ đầy đủ Chứng từ chất thải nguy hại mỗi khi giao nhận; cập nhật số liệu vào sổ quản lý CTNH theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị UBND xã Quang Minh, Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội tiếp nhận đăng ký môi trường của Công ty cổ phần sản xuất và phát triển công nghiệp Việt Nhật.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HCNS.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thu Hồng

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0106515129

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 04 năm 2014

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 08 tháng 01 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VIỆT NHẬT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM JAPAN INDUSTRIAL DEVELOPMENT AND MANUFACTURING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: INDEMA.,JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô 46B Khu công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.73066060

Số Fax:

Thư điện tử: hong_nt@indema.com.vn

Website:

3. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN THU HỒNG

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 16/05/1982

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 001182042552

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 20, ngõ 55D Đường Hai Bà Trưng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*



Số: 871 /TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ và Nghị định 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 24.5/2024/CV ngày 24/5/2024 Công ty cổ phần cơ khí Hồ Gươm;

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: Nguyễn Tam Sản - Chức vụ: Giám đốc.

**PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
CHỨNG NHẬN:**

Công trình: Xưởng gia công sản xuất đồ gia dụng và công nghiệp Hồ Gươm.

Địa điểm xây dựng: Lô 46B, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

Đại diện chủ đầu tư: Công ty Cổ phần cơ khí Hồ Gươm

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH thiết kế và xây dựng Thái Minh, Công ty cổ phần cơ điện và PCCC Tiến Đạt.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Lối tiếp cận cho xe chữa cháy, khoảng cách PCCC, bậc chịu lửa, bố trí mặt bằng, lối ra thoát nạn, giải pháp ngăn cháy lan;
- Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà, hòng nhận nước từ xe chữa cháy; hệ thống chữa cháy tự động Spinkler, trang bị bình chữa cháy, phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn, dụng cụ phá dỡ thông thường; giải pháp thông gió chống tụ khói.
- Phương án chống sét; Giải pháp cấp điện máy bơm chữa cháy, quạt hút khói.

Quy mô công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2./.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (để thực hiện);
- C07 - Bộ Công an;
- Đ/c Giám đốc CATP;
- Đ/c Đại tá Dương Đức Hải - PGĐ CATP;
- (để báo cáo)
- Công an huyện Mê Linh;
- (để theo dõi)
- Lưu: PC07, Đ2(Công).

12 tháng 06 năm 2024
Hà Nội
TRƯỞNG PHÒNG



Đại tá Phạm Trung Hiếu

**QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC
TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 871 /TD-PCCC
ngày 12 /06 /2024 của Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ)

TT	Nội dung	Ghi chú
I	QUY MÔ CÔNG TRÌNH	
	Khu đất có diện tích 10.125m², xây dựng 4 xưởng và các công trình phụ trợ. - Nhà xưởng số 1 diện tích xây dựng 2.961m², 01 tầng (bố trí sàn lửng diện tích khoảng 190m²), chiều cao (tính đến diềm mái) là 7,05m, khối tích là 23.056m³. - Nhà xưởng số 2 có diện tích xây dựng 4.495,8m², 1 tầng, chiều cao (tính đến diềm mái) là 9m, khối tích là 45.872,9m³. - Nhà xưởng số 3 có diện tích xây dựng 297 m², 01 tầng, chiều cao (tính đến diềm mái) là 6,95m, khối tích là 1930,5m³. - Các hạng mục phụ trợ (bể nước chữa cháy, phòng bơm, nhà bảo vệ...).	
II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ	
1	- Bản vẽ tổng thể, điện: MBTT; CTBX; MBCS; CTCS; SĐ - Bản vẽ kiến trúc, kết cấu xưởng 1: X1-01 đến X1-11; KC-01 đến KC-12 - Bản vẽ kiến trúc, kết cấu xưởng 2: GK-01 đến GK-02 + Đơn nguyên 1: KT-01 đến KT-14; KC-01 đến KC-10 + Đơn nguyên 2: X3-01 đến X3-07; KC-01 đến KC-06 + Đơn nguyên 3: KT-01 đến KT-06; KC-01 đến KC-02 - Bản vẽ kiến trúc, kết cấu xưởng 3: X4-01 đến X4-08; KC-01 đến KC-07 - Bản vẽ công và bể nước: KT01; KC01-KC02	Công ty TNHH thiết kế và xây dựng Thái Minh, Công ty cổ phần cơ điện và PCCC Tiến Đạt
2	Bản vẽ hệ thống PCCC: - Bản vẽ hệ thống chữa cháy: FF-TT; FF-01 đến FF-10; FF-SĐNL01 đến FF-SĐNL02; FF-CT1 đến FF-CT14; FF-PB - Bản vẽ hệ thống báo cháy: FA-TT; FA-01 đến FA-09; FA-SĐNL; FA-CT1 đến FA-CT2; - Bản vẽ hệ thống thoát nạn, sự cố: EX-01 đến EX-05; EX-SĐNL01-EX-SĐNL04, EX-CT01 đến EX-CT02 - Bản vẽ hệ thống hút khói, bù khí: HK-01 đến HK-02; BK-01 đến BK-02, HK-SĐNL, HK-CT1 đến HK-CT2	
3	Thuyết minh PCCC	

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.

**CÔNG AN TP HÀ NỘI
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ**

Số: 409 /NT-PCCC
V/v chấp thuận kết quả
nghiệm thu về phòng cháy
và chữa cháy

Mẫu số PC12
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2025

Kính gửi: Công ty Cổ phần cơ khí Hồ Gươm.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 871/TD-PCCC ngày 12/06/2024 và Văn bản thẩm duyệt thiết kế điều chỉnh số 488/TD-PCCC ngày 22/04/2025 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 01/CKHG/ĐN-NTPCCC của Công ty Cổ phần cơ khí Hồ Gươm.

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: Nguyễn Tam Sơn, Chức vụ: Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 19 tháng 05 năm 2025 của đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH và Tổ địa bàn PCCC và CNCH Mê Linh.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình: Xưởng gia công sản xuất đồ gia dụng và công nghiệp Hồ Gươm, với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Lô 46B, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần cơ khí Hồ Gươm.

Đơn vị thi công: Công ty TNHH TM&DV phòng cháy chữa cháy Hoàng - Linh; Công ty Cổ phần cơ khí Hồ Gươm.

Quy mô công trình: Khu đất có diện tích 10.125m², xây dựng 3 xưởng và các công trình phụ trợ. Nhà xưởng số 1 diện tích xây dựng 2.961m², 01 tầng (bố trí sàn lửng diện tích khoảng 190m²), chiều cao (tính đến điểm mái) là 7,05m, khối tích là 23.056m³. Nhà xưởng số 2 có diện tích xây dựng

4.495,8m³, 1 tầng, chiều cao (tính đến điểm mái) là 9m, khối tích là 45.872,9m³. Nhà xưởng số 3 có diện tích xây dựng 297 m², 01 tầng, chiều cao (tính đến điểm mái) là 6,95m, khối tích là 1930,5m³. Các hạng mục phụ trợ (bể nước chữa cháy, phòng bơm, nhà bảo vệ...).

Bố trí mặt bằng, công năng sử dụng: Các nhà xưởng số 1, 2, 3 đều bố trí công năng gia công sản xuất đồ gia dụng, công nghiệp, văn phòng xưởng sản xuất, tầng lửng nhà xưởng 1 bố trí phòng ăn; tầng lửng nhà xưởng 2 bố trí văn phòng.

Nội dung được nghiệm thu về PCCC:

- Đường giao thông cho xe chữa cháy; khoảng cách an toàn PCCC; bậc chịu lửa; bố trí công năng của công trình liên quan đến PCCC; giải pháp thoát nạn; giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;

- Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà, họng tiếp nước từ xe chữa cháy, hệ thống chữa cháy Spinkler tự động bằng nước;

- Giải pháp thông gió chống tụ khối;

- Trang bị, bố trí bình chữa cháy, phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn, dụng cụ phá dỡ thông thường.

- Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC và các hệ thống kỹ thuật có liên quan về PCCC.

Các yêu cầu kèm theo:

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng, thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan.

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về PCCC đối với cơ sở theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ trước khi đưa vào hoạt động.

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình theo điểm b khoản 5 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ thì phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo đảm bảo theo quy định và gửi hồ sơ đến Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội để được thẩm duyệt thiết kế về PCCC trước khi tiến hành thi công cải tạo.

- Chịu trách nhiệm về quy mô, tính chất hoạt động của công trình phù hợp với quy hoạch được phê duyệt, xuất trình hồ sơ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC của công trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về chất lượng, tính chính xác của hồ sơ nghiệm thu. Việc kiểm tra của cơ quan Công an không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình quy định tại Điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 và khoản 6 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
-----oOo-----

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ XƯỞNG
(Số 1000/HG-IDM/2025)

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại công ty Cổ phần cơ khí Hồ Gươm.

Chúng tôi gồm có :

BÊN CHO THUÊ: (Gọi tắt là Bên A)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ HỒ GƯƠM

Địa chỉ : Lô 46B, Khu CN Quang Minh, xã Quang Minh, TP Hà Nội.

Điện thoại : 024 20243285 Fax: 04 3813 4887

Tài khoản : 113.0000.46740

Tại ngân hàng : TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Minh

Mã số thuế : 2500222420

Đại diện : Ông Nguyễn Tam Sản - Chức vụ: Giám đốc

BÊN THUÊ: (Gọi tắt là Bên B)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NHẬT (INDEMA)

Địa chỉ : Lô 46B, Khu CN Quang Minh, xã Quang Minh, TP Hà Nội.

Điện thoại : 0243 3706 6060

Mã số thuế : 0106515129

Đại diện : Bà Nguyễn Thu Hồng Chức vụ: Tổng Giám đốc

Sau khi bàn bạc, thảo luận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng thuê nhà xưởng, với nội dung sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1. Bên A đồng ý cho Bên B thuê diện tích 1000m2 nhà xưởng của Bên A tại địa chỉ: Lô 46B KCN Quang Minh – Mê Linh – Hà Nội .

1.2. Hiện trạng nhà xưởng:

- Kết cấu chính: Khung nhà thép, mái tôn có chống nóng, vách thưng tôn, tường chất cũ sơn mới.
- Nền xưởng: mặt bê tông cũ, 1 số chỗ lõ chỗ (có video hiện trạng)
- Khu vệ sinh: có 1 phòng nam, 1 phòng nữ (không có điện, không có téc nước)
- Có khung xương 3 văn phòng nhôm kính cũ, trần thạch cao thiếu 1 số tấm, tường sơn mới.
- Cả xưởng trang bị lắp đặt PCCC loại C đã nghiệm thu (bao gồm: 4 cụm bình PCCC, 3 họng nước cứu hỏa và hệ thống cảm biến, ống nước trên mái và văn phòng).
- Hệ thống điện: còn 6 bóng điện không hoạt động, không có máng cáp và dây điện

1.3 Mục đích sử dụng : Bên B thuê nhà xưởng của bên A làm xưởng xuất cơ khí, dây chuyền sơn.

ĐIỀU 2: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG.

Thời hạn thuê nhà xưởng được tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

ĐIỀU 3: GIÁ THUÊ – PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1. Giá thuê:

- Tiền thuê xưởng từ ngày 25/12/2025 đến hết ngày 28/02/2026 là 40.000.000 đồng (chưa có VAT 10%).
- Đơn giá thuê nhà xưởng từ ngày 01/03/2026: **100.000đ/m2/tháng** (chưa có VAT 10%).
- Bên A đồng ý đầu tư, bảo trì hệ thống cung cấp điện hạ thế tại trạm biến áp của bên A cho bên B trong quá trình bên B sản xuất lại Lô 46B, KCN Quang Minh từ 01/01/2026 đến khi bên B không có nhu cầu sử dụng. Kinh phí khấu hao bảo trì được bên B hàng tháng chi trả cho bên A với đơn giá là 300đ/KW điện bên B sử dụng, chưa bao gồm VAT.
- Bên B trả tiền phí quản lý, bảo trì KCN hàng năm là 0,15 USD/m2/năm x 1000m2 (chưa bao gồm VAT) vào đầu năm.
- Đơn giá thuê nhà xưởng hàng năm được hai bên xem xét giá thuê của thị trường và hệ trượt giá CPI để điều chỉnh cho phù hợp để đảm bảo lợi ích của hai bên nhưng không quá 10% của năm liền kề.

- Nếu nhà nước tăng hoặc giảm thuế VAT, thì phần thuế được điều chỉnh tăng hoặc giảm theo quy định của nhà nước.

3.2. Phương thức thanh toán: chuyển khoản

- Thời hạn thanh toán trước 03 tháng một lần, trước 10 ngày của đầu kỳ thanh toán

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1. Trách nhiệm của Bên A:

4.1.1. Bên A cam kết bảo đảm quyền sử dụng trọn vẹn hợp pháp và tạo mọi điều kiện thuận lợi để Bên B sử dụng mặt bằng quả.

4.1.2. Bên A bàn giao toàn bộ các thiết bị cho thuê kèm theo các thiết bị có sẵn như hiện trạng như Điều 1.

4.1.3. Trả tất cả các loại thuế có liên quan đến việc cho thuê nhà theo luật thuế của Việt Nam.

4.1.4. Đảm bảo an ninh và vệ sinh vòng ngoài khu vực cho thuê. Tạo điều kiện cho Bên B ra vào để sản xuất 24 giờ.

4.1.5. Bên A có trách nhiệm cung cấp hóa đơn tài chính cho Bên B.

4.1.6. Trong thời hạn hợp đồng, nếu bên A có nhu cầu chấm dứt trước thời hạn, thì bên A phải báo bên B trước 90 ngày bằng văn bản.

4.1.7. Bên A có quyền cắt điện ngừng sản xuất và đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên B vi phạm các điều khoản trong hợp đồng này, sau khi bên A đã thông báo bằng văn bản mà bên B không thực hiện. Mọi tổn thất kinh tế, do việc ngừng sản xuất gây ra bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

4.2. Trách nhiệm Bên B:

4.2.1. Khi cần sửa chữa cải tạo nhà xưởng theo yêu cầu sử dụng riêng phải bàn bạc cụ thể với bên A và phải được sự chấp thuận của bên A.

4.2.2. Thanh toán tiền thuê kho bãi, nhà xưởng và đúng thời hạn và đầy đủ theo Điều 3 của hợp đồng này.

CÔNG TY
PHÂN
TỬ VÀ PHÁT
SẢN NGHIỆP
T NHẬT
T.P.H

4.2.3. Chịu trách nhiệm về công tác đảm bảo an ninh, an toàn, và tự quản lý toàn bộ các vật tư, thiết bị và tài sản của mình trong và ngoài khu vực thuê.

4.2.4. Chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình theo đúng Pháp luật Việt Nam.

4.2.5. Chịu trách nhiệm bồi thường cho bên A về những hư hỏng, mất mát thiết bị nội thất thuộc quyền quản lý và sở hữu của bên A.

4.2.6. Quản lý cán bộ, công nhân của mình về an ninh và an toàn lao động. Nếu để cán bộ, công nhân viên gây thiệt hại cho bên A thì bên B phải bồi thường thiệt hại đó cho bên A.

4.2.7. Được quyền tháo dỡ thu hồi hoặc chuyển nhượng lại cho bên A những tài sản mà bên B đã đầu tư trang bị trong khu mình thuê.

4.2.8. Sử dụng điện trong giới hạn cho phép, nếu để xảy ra cháy nổ trạm biến áp do sử dụng quá tải thì bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do mình gây ra.

4.2.9. Trong thời hạn của hợp đồng, nếu bên B không có nhu cầu thuê tiếp xin chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, thì bên B phải báo cho Bên A trước 90 ngày bằng văn bản.

4.2.10. Khi chấm dứt hợp đồng thì bên B bàn giao lại toàn bộ diện tích nhà xưởng và phải tháo dỡ, thu dọn, để hoàn trả lại nhà xưởng theo nguyên trạng ban đầu cho bên A.

4.2.11. Bên B phải đặt cọc cho bên A số tiền bằng 3 tháng tiền thuê xưởng tại thời điểm thuê. Số tiền đặt cọc bên A sẽ hoàn trả lại cho bên B khi hai bên chấm dứt hợp đồng thuê và khi bên B bàn giao lại đầy đủ tài sản thuê cho bên A theo các nội dung hợp đồng.

ĐIỀU 5: CAM KẾT CHUNG

- Trước khi hết hạn hợp đồng 30 ngày, hai bên có thể bàn bạc ký tiếp hợp đồng. Giá thuê sau đó sẽ do hai bên thỏa thuận theo giá trị của thị trường tại thời điểm đó.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã nêu trong hợp đồng này. Nếu có xảy ra tranh chấp hoặc có một bên vi phạm hợp đồng thì hai bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng. Trong trường hợp không tự giải quyết được, sẽ đưa ra giải quyết

tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải chấp hành, mọi phí tổn sẽ do bên có lỗi chịu.

- Hợp đồng được làm thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tam Sản

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thu Hồng



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
-----o0o-----

HỢP ĐỒNG THUÊ XƯỞNG
(Số: 5073/HG-IDM/2025)

Hôm nay, ngày 20 tháng 12 năm 2025. Tại công ty Cổ phần cơ khí Hồ Gươm.
Chúng tôi có :

BÊN CHO THUÊ: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ HỒ GƯƠM
(Gọi tắt là Bên A)

Địa chỉ : Lô 46B – KCN Quang Minh – Quang Minh – Hà Nội
Điện thoại : 024 20243285
Tài khoản : 113000046740
Tại ngân hàng : TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Minh
Mã số thuế : 2500222420
Đại diện : Ông Nguyễn Tam Sản - Chức vụ: Giám đốc

BÊN THUÊ: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VIỆT NHẬT (INDEMA)
(Gọi tắt là Bên B)

Địa chỉ : Lô 46B KCN Quang Minh – xã Quang Minh – Hà Nội
Điện thoại : 024.7306.6060
Tài khoản : 1140 0012 1185
Tại ngân hàng : TMCP Công thương Việt Nam – CN Quang Minh
Mã số thuế : 0106515129
Đại diện : Bà Nguyễn Thu Hồng - Chức vụ: Tổng Giám đốc

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý cho bên B thuê xưởng với diện tích là 5073m² nhà xưởng của Bên A tại địa chỉ: Lô 46B, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, Hà Nội, Việt Nam với hiện trạng như sau:

NHÀ XƯỞNG	600m ² (Xưởng 2: Hàn)	1000m ² (Xưởng 3: Sơn, Mạ)	1008m ² (Xưởng 1: CNC)	800m ² (Xưởng 2: Hàn + VP)	1665m ² (Xưởng 4)
HIỆN TRẠNG	Khung nhà thép kiểu ramín, mái tôn + tường xây + thung tôn múi. Nền bê tông đổ mới, đánh bóng mặt, sơn nền màu xanh lá cây. Khu văn phòng khung nhôm kính 30m² (có sẵn). Khu toilet sửa chữa, sơn mới tường. Sơn mới tường khu vực mặt bằng cho thuê. Có cầu dao điện 3 pha.	Khung nhà thép kiểu ramín, mái tôn + tường xây + thung tôn múi, có hai cửa ra vào. Nền bê tông, đánh bóng mặt, sơn nền màu xanh lá cây cũ. Có cầu dao điện 3 pha cuối xưởng, vòng quanh có đường điện chiếu sáng, cùng 11 pha đèn, có hai vách thung tôn, và 1 khu văn phòng, toàn bộ khung nhà xưởng, kèo, cột, xà gỗ, tôn thung, chưa bị rỉ và còn nguyên lớp sơn bảo vệ lúc gia công	Khung nhà thép kiểu ramín, mái tôn + tường xây + thung tôn múi, có cửa ra vào. Nền bê tông, đánh bóng mặt, sơn nền màu xanh lá cây cũ. Có cầu dao điện 3 pha cuối xưởng, vòng quanh có đường điện chiếu sáng, cùng 10 pha đèn, có hai vách thung tôn, toàn bộ khung nhà xưởng, kèo, cột, xà gỗ, tôn thung.	Khung nhà thép kiểu ramín, mái tôn + tường xây + thung tôn múi, có cửa ra vào. Nền bê tông, đánh bóng mặt, sơn nền màu xanh lá cây cũ. Vòng quanh có đường điện chiếu sáng, cùng 10 pha đèn, có vách thung tôn, toàn bộ khung nhà xưởng, kèo, cột, xà gỗ, tôn thung.	Tường chất cũ, đã sơn lại, Bê tông, đánh bóng mặt, đã qua sử dụng, có 01 điểm bong tróc nhẹ (Có hình ảnh kèm theo). Có 14 pha bóng, có dây nguồn, không hoạt động. Hệ thống điện tổng/tủ bù đang hoạt động 05 cái và 9 quạt hút vuông, tất cả đều cũ Có điện, nước hoạt động, một vài khóa vòi nước bị hỏng → Máy bơm tăng áp bên B mua lại của Jig&Tool Không có ga lăng, không có hệ thống điện điều khiển Hệ thống đảm đỡ ray cầu trục dọc 1 bên xưởng

ĐIỀU 2: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Thời hạn thuê nhà xưởng 5073m² là 01 năm được tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

ĐIỀU 3: GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1. Giá thuê

- Đơn giá thuê 5073m² nhà xưởng từ 1/1/2026 đến hết ngày 31/12/2026 là 100.000 đồng/m²/tháng (chưa bao gồm thuế VAT).
- Bên A đồng ý đầu tư, bảo trì hệ thống cung cấp điện hạ thế tại trạm biến áp của bên A cho bên B trong quá trình bên B sản xuất lại Lô 46B, KCN Quang Minh từ 01/01/2026 đến khi bên B không có nhu cầu sử dụng. Kinh phí khấu hao bảo trì được bên B hàng tháng chi trả cho bên A với đơn giá là 300đ/KW điện bên B sử dụng, chưa bao gồm VAT.
- Bên B trả tiền phí quản lý, bảo trì KCN hàng năm là 0,15 USD/m²/năm x 5073 m² (chưa bao gồm VAT) vào đầu năm.
- Đơn giá thuê nhà xưởng hàng năm được hai bên xem xét giá thuê của thị trường và hệ trượt giá CPI để điều chỉnh cho phù hợp để đảm bảo lợi ích của hai bên nhưng không quá 10% của năm liền kề.
- Nếu nhà nước tăng hoặc giảm thuế VAT, thì phần thuế được điều chỉnh tăng hoặc giảm theo quy định của nhà nước.

3.2. Phương thức thanh toán

- Hình thức thanh toán là tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Thời hạn thanh toán: Thanh toán trước ba tháng một lần, trước 10 ngày đầu của kì thanh toán.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1. Trách nhiệm của Bên A:

- 4.1.1.** Bên A cam kết bảo đảm quyền sử dụng trọn vẹn hợp pháp và tạo mọi điều kiện thuận lợi để Bên B sử dụng mặt bằng quả.
- 4.1.2.** Bên A bàn giao toàn bộ các thiết bị cho thuê kèm theo các thiết bị có sẵn như hiện trạng như Điều 1.
- 4.1.3.** Trả tất cả các loại thuế có liên quan đến việc cho thuê nhà theo luật thuế của Việt Nam.
- 4.1.4.** Đảm bảo an ninh và vệ sinh vòng ngoài khu vực cho thuê. Tạo điều kiện cho Bên B ra vào để sản xuất 24 giờ.

4.1.5. Bên A có trách nhiệm cung cấp hóa đơn tài chính cho Bên B.

4.1.6. Trong thời hạn hợp đồng, nếu bên A có nhu cầu chấm dứt trước thời hạn, thì bên A phải báo bên B trước 90 ngày bằng văn bản.

4.1.7. Bên A có quyền cắt điện ngừng sản xuất và đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên B vi phạm các điều khoản trong hợp đồng này, sau khi bên A đã thông báo bằng văn bản mà bên B không thực hiện. Mọi tổn thất kinh tế, do việc ngừng sản xuất gây ra bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

4.1.8. Bên A có trách nhiệm hoàn trả lại đầy đủ tiền cọc cho bên B ngay sau khi hai bên chấm dứt hợp đồng thuê và bên B đã bàn giao lại đầy đủ diện tích nhà xưởng, trang thiết bị thuê và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến hợp đồng.

4.2. Trách nhiệm Bên B:

4.2.1. Khi cần sửa chữa cải tạo nhà xưởng theo yêu cầu sử dụng riêng phải bàn bạc cụ thể với bên A và phải được sự chấp thuận của bên A.

4.2.2. Thanh toán tiền thuê kho bãi, nhà xưởng và đúng thời hạn và đầy đủ theo Điều 3 của hợp đồng này.

4.2.3. Chịu trách nhiệm về công tác đảm bảo an ninh, an toàn, và tự quản lý toàn bộ các vật tư, thiết bị và tài sản của mình trong và ngoài khu vực thuê.

4.2.4. Chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình theo đúng Pháp luật Việt Nam.

4.2.5. Chịu trách nhiệm bồi thường cho bên A về những hư hỏng, mất mát thiết bị nội thất thuộc quyền quản lý và sở hữu của bên A.

4.2.6. Quản lý cán bộ, công nhân của mình về an ninh và an toàn lao động. Nếu để cán bộ, công nhân viên gây thiệt hại cho bên A thì bên B phải bồi thường thiệt hại đó cho bên A.

4.2.7. Được quyền tháo dỡ thu hồi hoặc chuyển nhượng lại cho bên A những tài sản mà bên B đã đầu tư trang bị trong khu mình thuê.

4.2.8. Sử dụng điện trong giới hạn cho phép, nếu để xảy ra cháy nổ trạm biến áp do sử dụng quá tải thì bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do mình gây ra.

4.2.9. Trong thời hạn của hợp đồng, nếu bên B không có nhu cầu thuê tiếp xin chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, thì bên B phải báo cho Bên A trước 90 ngày bằng văn bản.

4.2.10. Khi chấm dứt hợp đồng thì bên B bàn giao lại toàn bộ diện tích nhà xưởng và phải tháo dỡ, thu dọn, để hoàn trả lại nhà xưởng theo nguyên trạng ban đầu cho bên A.

ĐIỀU 5: CAM KẾT CHUNG

- Trước khi hết hạn hợp đồng 30 ngày, hai bên có thể bàn bạc ký tiếp hợp đồng. Giá thuê sau đó sẽ do hai bên thỏa thuận theo giá trị của thị trường tại thời điểm đó.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã nêu trong hợp đồng này. Nếu có xảy ra tranh chấp hoặc có một bên vi phạm hợp đồng thì hai bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng. Trong trường hợp không tự giải quyết được, sẽ đưa ra giải quyết tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải chấp hành, mọi phí tổn sẽ do bên có lỗi chịu.

- Hợp đồng được làm thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tâm Sản

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thu Hồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Số: 138 /2018/HĐ-XLNT

Được ký giữa:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC
KCN Quang Minh – Huyện Mê Linh, TP Hà Nội
(Bên cung cấp dịch vụ)

Và:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NHẬT
(Bên sử dụng dịch vụ)

- Hà Nội, Tháng 12/2018 -

H * M. S. D. N

HỢP ĐỒNG
CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
tại KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
Số: 127./2018/HĐ-XLNT

*** Căn cứ vào:**

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/06/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.
- Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 22/4/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành Điều lệ Khu công nghiệp Quang Minh;
- Căn cứ Quyết định số 3742/2004/QĐ-UB ngày 22 tháng 10 năm 2004 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc thành lập, phê duyệt dự án và giao Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Yêu cầu đầu nối, cung cấp dịch vụ XLNT của Bên sử dụng dịch vụ và khả năng của Bên cung cấp dịch vụ:

Hôm nay, ngày 15/12/2018 tại Văn phòng Công ty TNHH đầu tư và PTHT Nam Đức, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I/. CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC:

Địa chỉ: KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 35860478

Mã số thuế: 2500222438

Số tài khoản VNĐ: 031 0101 0834036

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa.

Đại diện: Ông Nguyễn Khắc Sơn

- Chức vụ: Giám đốc

(Sau đây được gọi tắt là Bên A)

II/. CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VIỆT NHẬT:

Địa chỉ: Lô 46B, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 02438182201

Mã số thuế: 0106515129

Số tài khoản: 114000121185

Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long

Đại diện PL: Bà Nguyễn Thu Hồng

- Chức vụ: Giám đốc

(Sau đây được gọi tắt là Bên B)

M.S.C

SỐ
BẮC
PH
M

✓

*** Do vì:**

- Bên A là Chủ đầu tư KCN được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam với đầy đủ năng lực trong lĩnh vực xử lý nước thải, sẵn sàng cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải và các dịch vụ liên quan theo yêu cầu của Bên B.
 - Bên B là doanh nghiệp hoạt động trong KCN Quang Minh có mong muốn được cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải.
 - Các Bên đều hiểu rõ các quy định của pháp luật và UBND thành phố Hà Nội về công tác Bảo vệ môi trường tại KCN Quang Minh và cam kết chấp hành, thực hiện.
- Sau khi thoả thuận, Bên A và Bên B thống nhất ký, thực hiện Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải (XLNT) tại KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với các điều khoản và điều kiện cụ thể dưới đây:

ĐIỀU 1. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG:

1.1 Đối tượng của Hợp đồng: Bên A nhận cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải do Bên B xả vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Quang Minh, đảm bảo xả thải vào nguồn nước tiếp nhận với chất lượng nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép.

1.2 Phạm vi thực hiện: Hoạt động cung cấp dịch vụ XLNT và xả nước thải của các bên được giới hạn trong KCN Quang Minh thuộc huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

ĐIỀU 2. ĐIỂM ĐẦU NÓI NƯỚC THẢI:

2.1 Điểm đầu nối nước thải từ hệ thống thu gom XLNT của Bên B vào hệ thống thu gom, XLNT của KCN là vị trí hố ga (do Bên A chỉ định) mà tại đó đường ống thoát nước thải của Bên B được nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

2.2 Điểm đầu nối do Bên A chỉ định theo thiết kế kỹ thuật của hệ thống để đảm bảo sự an toàn và vận hành của hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

ĐIỀU 3. KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI CỦA BÊN B XẢ VÀO HỆ THỐNG THU GOM, XLNT CỦA BÊN A:

3.1 Khối lượng nước thải: Khối lượng nước thải thu phí được tính bằng 80% khối lượng nước cấp mà Bên B sử dụng cho mục đích sinh hoạt và sản xuất.

- Trường hợp Bên B chỉ có nước thải sinh hoạt và dùng nước sạch tập trung thì lượng nước thải tính phí bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ. Trường hợp không dùng nước sạch tập trung thì Bên B phải lắp đặt đồng hồ đo nước thải.

3.2 Chất lượng nước thải: Nước thải của Bên B chỉ được xả vào nguồn tiếp nhận của KCN Quang Minh khi Bên B đã tự xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn cho phép tối thiểu đạt mức nước giá trị C Cột B theo QCVN 40: 2011/BTNMT (chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Hợp đồng này).

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B:

4.1 Được sử dụng dịch vụ thu gom, XLNT của Bên A theo quy định tại Hợp đồng này.

4.2 Thanh toán kịp thời, đầy đủ các chi phí sử dụng dịch vụ theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này;

4.3 Chịu trách nhiệm lấy mẫu nước thải và chi phí kiểm định khi cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành; tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng nước thải và cung cấp dịch vụ XLNT.

4.4 Thông báo cho Bên A bằng văn bản trong các trường hợp: thay đổi chất lượng nước

THÀNH PHỐ HÀ NỘI
HUYỆN MÊ LINH
KCN QUANG MINH

22
ÔN
KH
CỦ
TRI
AD
NH

✓

thải, thay đổi công nghệ sản xuất, tăng công suất nhà máy,...

4.5. Cung cấp cho Bên A sơ đồ hệ thống thoát nước (gồm cả nước mưa và nước thải) trong nội bộ nhà máy của Bên B để Bên A kiểm tra giám sát; xây dựng tách biệt giữa hệ thống thoát nước mưa với nước thải và không được để Bên thứ 3 đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Bên B.

4.6. Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, của KCN Quang Minh về công tác bảo vệ môi trường, việc đầu nối vào hệ thống thu gom thoát nước thải chung, sử dụng hạ tầng KCN và các quy định khác có liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ XLNT.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A:

5.1 Kinh doanh dịch vụ thu gom và XLNT theo quy định của pháp luật.

5.2 Bảo đảm khả năng đáp ứng nhu cầu XLNT của Bên B, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng dịch vụ XLNT cho Bên B;

5.3 Đảm bảo chất lượng dịch vụ XLNT theo các quy định hiện hành của Nhà nước và quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án KCN Quang Minh I

5.4 Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, của KCN về công tác Bảo vệ môi trường, về việc quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thu gom nước thải.

5.5 Yêu cầu Bên B thanh toán Phí xử lý nước thải và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về xử lý nước thải tại KCN Quang Minh I.

5.6 Khi nghi ngờ Bên B xả nước thải vượt quá quy chuẩn cho phép, Bên A có quyền lấy mẫu nước thải của Bên B tại bất kỳ thời điểm nào để xác định tính chính xác chất lượng nước thải của Bên B. Việc lấy mẫu nước thải được lập thành biên bản và kết quả được lấy làm cơ sở tính phí XLNT trong kỳ theo nội dung quy định trong Hợp đồng này.

5.7 Bên A có quyền kiểm tra giám sát hoạt động xả nước thải của Bên B vào hệ thống thu gom của KCN và yêu cầu Bên B xả nước thải đảm bảo chất lượng theo Hợp đồng XLNT đã ký.

ĐIỀU 6. PHÍ DỊCH VỤ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

6.1 Phí dịch vụ:

- Khối lượng nước thải để tính phí xác định theo khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng này.

- Trường hợp Bên B không sử dụng nước sạch do Nhà máy nước sạch Quang Minh cung cấp thì Bên B phải lắp đặt đồng hồ đo nước thải của Bên B. Khối lượng nước thải thu phí tính theo đồng hồ đo nước thải.

- Bên B sẽ thanh toán cho Bên A phí dịch vụ hàng tháng được tính như sau:

Phí dịch vụ = Đơn giá x Khối lượng nước thải do Bên A xử lý hàng tháng.

* Đơn giá dịch vụ XLNT: **12.000VNĐ/m³**

+ Giá trên áp dụng đối với nước thải có giá trị thông số và nồng độ các chất ô nhiễm nhỏ hơn hoặc bằng giá trị quy định tại Cột B QCVN 40: 2011/BTNMT.

+ Giá trên chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng (thuế VAT).

- Đơn giá XLNT có thể được điều chỉnh căn cứ sự biến động giá cả thị trường (điện nước, hoá chất, tiền lương, chính sách tiền tệ của Nhà nước...) với mỗi lần điều chỉnh không quá 15% theo giá kỳ trước liền kề. Khi điều chỉnh đơn giá bên A sẽ thông

10
C
C
XU
C
V
H

4
M
FU
NI
E
11

W

báo trước cho bên B trong thời hạn 15 ngày. Thời gian điều chỉnh đơn giá tối thiểu là 1 năm và tối đa 2 năm.

- Cơ sở để xác định chất lượng nước thải áp dụng cho việc tính giá là Phiếu kết quả phân tích nước thải mới nhất của Bên B, bao gồm đủ các chỉ tiêu theo Phụ lục I của Hợp đồng (*Bản sao Phiếu kết quả phân tích nước thải là Phụ lục II đính kèm hợp đồng này*).

6.2 Phương thức thanh toán

(i) Bên B có trách nhiệm thanh toán phí dịch vụ cho Bên A trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày nhận được hoá đơn hàng tháng của Bên A (hoá đơn này được coi là thông báo thanh toán lần thứ nhất) vào tài khoản được chỉ định bởi Bên A hoặc tiền mặt tại Văn phòng của Bên A.

Nếu quá thời hạn năm (05) ngày nêu trên mà Bên B vẫn chưa thanh toán phí dịch vụ cho Bên A, Bên B có trách nhiệm thanh toán trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo lần 2 của Bên A;

(ii) Quá thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được giấy thông báo lần 2 của Bên A mà Bên B vẫn chưa thanh toán thì Bên A sẽ tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT và có quyền yêu cầu đơn vị cấp nước tạm ngừng cung cấp nước sạch cho đến khi Bên B thanh toán đầy đủ phí sử dụng dịch vụ XLNT theo giấy báo;

(iii) Kể từ ngày Bên B thanh toán đầy đủ phí dịch vụ cho Bên A, Bên A sẽ mở van xả thải cho Bên B để Bên B được xả nước thải vào hệ thống XLNT của Bên A. Khi đó, Bên B sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên A toàn bộ chi phí phát sinh từ về việc đóng/mở van cấp nước/thoát nước và các vật tư phát sinh sử dụng trong quá trình trên (nếu có) theo bảng chiết tính của Bên A cũng như tiền lãi tính trên số phí dịch vụ mà Bên B thanh toán chậm kể từ ngày quá thời hạn 03 ngày nêu tại mục (ii) ở trên với mức lãi suất quá hạn bằng 20%/năm cho toàn bộ thời gian chậm thanh toán.

ĐIỀU 7. CÁC TRƯỜNG HỢP NGỪNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THU GOM, XLNT:

7.1 Khi Bên B vi phạm các quy định về xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN nhưng chưa gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và hệ thống thu gom xử lý nước thải của KCN, Bên A sẽ có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu Bên B khắc phục. Sau 05 ngày kể từ ngày phát hành thông báo lần thứ nhất mà Bên B không chấp hành thì Bên A sẽ ra thông báo nhắc nhở lần hai. Hết thời hạn 05 ngày của thông báo lần 2 mà Bên B vẫn không chấp hành thì Bên A được quyền tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT theo thỏa thuận đã được quy định trong Hợp đồng này.

7.2 Trường hợp nước thải của Bên B xả vào hệ thống thu gom của KCN vượt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT, Bên A sẽ lập biên bản yêu cầu Bên B khắc phục để đảm bảo nước thải đạt mức nước Cột B và Bên B phải thanh toán chi phí phân tích mẫu nước thải và phí XLNT theo đơn giá **24.000đ/m³** đối với khối lượng nước thải xả vào hệ thống thu gom của KCN từ thời điểm chốt số kỳ trước đến thời điểm nước thải của Bên B đạt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Bên A lập biên bản đối với hành vi vi phạm; đồng thời Bên B phải chịu phạt với mức phạt bằng 50% tổng số tiền Bên B thanh toán phí XLNT trong kỳ. Quá thời hạn trên, Bên A sẽ yêu cầu đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch và tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên A có quyền kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải của Bên B và Bên B có trách nhiệm cung cấp kết quả phân tích mẫu nước thải định kỳ theo kết quả quan trắc môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) của Bên B với cơ quan chức năng cho Bên A.

5.
N
P
T
G
T
VH

8
Y
V
P

✓

7.3 Khi Bên B vi phạm các quy định về xả nước thải có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và hệ thống thu gom và xử lý nước thải chung, Bên A tiến hành lập biên bản và yêu cầu Bên B phải khắc phục ngay các sai phạm. Trường hợp Bên B không chấp hành yêu cầu của Bên A, Bên A sẽ ngừng ngay việc cung cấp dịch vụ XLNT và đề nghị đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch.

7.4 Trường hợp Bên B vi phạm các quy định về xả thải gây hậu quả nghiêm trọng thì tùy theo mức độ có thể bị truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7.5 Dịch vụ XLNT sẽ được khôi phục sau khi Bên B đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi phạm gây ra, và hoàn thành các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

7.6 Khi tiến hành xúc tiến các công tác sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom và Nhà máy XLNT, Bên A sẽ có văn bản thông báo cho Bên B biết lý do, thời gian tiến hành các công tác trên; đồng thời Bên A sẽ có biện pháp thích hợp tạm thời nhằm hạn chế các tác động gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Bên B và ô nhiễm môi trường.

ĐIỀU 8. THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 15/12/2018 đến ngày 15/12/2022 và có thể được gia hạn theo thỏa thuận của các Bên.

ĐIỀU 9. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG:

9.1 Hợp đồng này có thể được các Bên sửa đổi/bổ sung bằng văn bản. Việc sửa đổi/bổ sung sẽ được tiến hành theo hình thức Hợp đồng sửa đổi/bổ sung hoặc phụ lục của Hợp đồng và là một phần không tách rời của Hợp đồng này;

9.2 Hợp đồng này sẽ hết hiệu lực trong những trường hợp sau:

- (i) Hết thời hạn của Hợp đồng mà không được gia hạn; hoặc
- (ii) Các Bên đồng ý bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng này.

ĐIỀU 10. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác giữa các Bên. Trong trường hợp các Bên không thể giải quyết thông qua hoà giải, một trong hai Bên có thể đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết tranh chấp. Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành đối với cả hai bên và án phí do bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 11. CHỐNG GIAN LẬN VÀ HỐI LỘ:

11.1. Bên B cam kết và đảm bảo rằng bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho Bên B hoặc được Bên B chỉ định (gọi chung là “**Người Của Bên B**”) liên lạc, giao dịch, làm việc với Bên A sẽ không (i) hối lộ và/hoặc hứa hẹn đưa các khoản hối lộ, giảm giá, trích thưởng, khoản tiền gây ảnh hưởng hoặc khoản báo đáp bất hợp pháp hoặc bất kỳ các tài sản bằng tiền hoặc hiện vật hoặc lợi ích nào (gọi chung là “**Hối Lộ**”), cho bất kỳ đại diện nào của Bên A (gọi chung là “**Người Của Bên A**”) hoặc thông qua bất kỳ Bên Thứ Ba nào để Hối Lộ Người Của Bên A nhằm đạt được lợi ích riêng như được ưu tiên ký Hợp Đồng với Bên A một cách không minh bạch, được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng, và /hoặc các lợi ích không minh bạch, không công bằng khác.

Vh

11.2. Bên A cam kết và đảm bảo rằng Người Của Bên A sẽ không đòi hỏi Hối Lộ hoặc có những hành vi chủ quan (cá nhân, cảm tính, vô trách nhiệm, ...) nhằm cản trở, gây khó khăn cho Người Của Bên B trong việc thực hiện Hợp Đồng (gọi chung là “**Gian Lận**”).

11.3. Các hành vi Hối Lộ và Gian Lận theo quy định tại Điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp Đồng này. Trường hợp bất kỳ Người Của Bên B nào nhận thấy bất cứ Người Của Bên A nào có biểu hiện, hành vi đòi Hối Lộ và/hoặc Gian Lận thì Bên B có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên A theo địa chỉ email: thanhtra@tng-holdings.vn.

11.4. Bên B sẽ miễn trừ cho Bên A mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi Hối Lộ của Bên B vi phạm pháp luật Việt Nam và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Hối Lộ của Bên B.

ĐIỀU 12. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH:

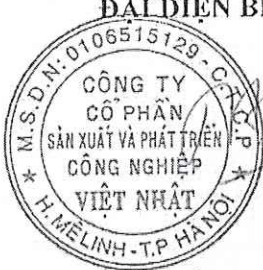
12.1. Các Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều quy định trong Hợp đồng này. Bên nào vi phạm sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật;

12.2. Hợp đồng gồm sáu (06) trang, mười hai (12) điều, được lập thành ba (03) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản làm cơ sở thực hiện.

12.3. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày các bên ký, đóng dấu xác lập.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khắc Sơn

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thu Hồng

SG
Y
N
TTR
LỆP
AT
HP

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2018

PHỤ LỤC I

GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ VÀ NỒNG ĐỘ CÁC CHẤT Ô NHIỄM
TRONG NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP THEO GIÁ TRỊ C CỘT B QCVN 40: 2011/BTNMT)
“Kèm theo Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ XLNT Số 157/2018/HĐ-XLNT”

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C	
			Cột A	Cột B
1	Nhiệt độ	oC	40	40
2	Màu	Pt/Co	50	150
3	pH	-	6 đến 9	5,5 đến 9
4	BOD5 (20oC)	mg/l	30	50
5	COD	mg/l	75	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	100
7	Asen	mg/l	0,05	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,005	0,01
9	Chì	mg/l	0,1	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,05	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,05	0,1
12	Crom (III)	mg/l	0,2	1
13	Đồng	mg/l	2	2
14	Kẽm	mg/l	3	3
15	Niken	mg/l	0,2	0,5
16	Mangan	mg/l	0,5	1
17	Sắt	mg/l	1	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,07	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,1	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	10
21	Sunfua	mg/l	0,2	0,5
22	Florua	mg/l	5	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	10
24	Tổng nitơ	mg/l	20	40
25	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	4	6

26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	500	1000
27	Clo dư	mg/l	1	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05	0,1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,3	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,003	0,01
31	Coliform	vi khuẩn/100ml	3000	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	1,0

33

33

✓

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 02

Đính kèm Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 137/2018/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018
V/v gia hạn thời hạn và điều chỉnh đơn giá dịch vụ của Hợp đồng

- Căn cứ Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải Số 137/2018/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018 giữa Công ty TNHH đầu tư và phát triển Hạ tầng Nam Đức và Công ty cổ phần sản xuất và phát triển công nghiệp Việt Nhật (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng");
- Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu của các Bên.

BÊN A: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC

Địa chỉ: KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04: 32484282/35860478

- Fax: 04: 38134514

Mã số thuế: 2500222438

Số tài khoản: 031 0101 0834036

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đồng Đa.

Đại diện: Ông Nguyễn Khắc Sơn

- Chức vụ: Giám đốc

Và

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VIỆT NHẬT

Địa chỉ: Lô 46B, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại:

Mã số thuế: 0106515129

Số tài khoản:

Tại Ngân hàng:

Đại diện: Bà Nguyễn Thu Hồng

- Chức vụ: Tổng Giám đốc

Hôm nay, ngày 15/12/2023, các Bên trên đây cùng thỏa thuận ký kết Phụ lục gia hạn thời hạn và điều chỉnh đơn giá dịch vụ của Hợp đồng, Phụ lục hợp đồng với nội dung điều chỉnh, bổ sung cụ thể sau đây:

Điều 1. Nội dung Phụ lục.

1. Hai bên đồng ý gia hạn thời hạn của Hợp đồng tại Điều 8: Gia hạn thời hạn của Hợp đồng kể từ ngày 15/12/2025 đến ngày 15/12/2027 (Ngày hết hạn).

2. Điều chỉnh đơn giá dịch vụ Xử lý nước thải tại Điều 6.1 của Hợp đồng:

Kể từ kỳ nước tháng 1/2024 Hai Bên đồng ý điều chỉnh đơn giá dịch vụ XLNT thành 14.300 đồng/m³ (Giá trên chưa bao gồm thuế VAT).

Qu

Un

Kể từ kỳ nước tháng 1/2026 Hai Bên đồng ý điều chỉnh đơn giá dịch vụ XLNT thành 15.500 đồng/m³ (Giá trên chưa bao gồm thuế VAT).

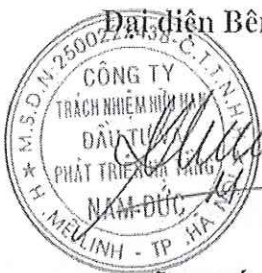
3. Điều chỉnh nội dung tại mục 7.2 Điều 7 của Hợp đồng: Trường hợp nước thải của Bên B xả vào hệ thống thu gom của KCN vượt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT, Bên A sẽ lập biên bản yêu cầu Bên B khắc phục để đảm bảo nước thải đạt mức nước Cột B và Bên B phải thanh toán chi phí phân tích mẫu nước thải và phí XLNT theo đơn giá 31.000đ/m³ đối với khối lượng nước thải xả vào hệ thống thu gom của KCN từ thời điểm chốt số kỳ trước đến thời điểm nước thải của Bên B đạt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Bên A lập biên bản đối với hành vi vi phạm; đồng thời Bên B phải chịu phạt với mức phạt bằng 50% tổng số tiền Bên B thanh toán phí XLNT trong kỳ. Quá thời hạn trên, Bên A sẽ yêu cầu đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch và tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên A có quyền kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải của Bên B và Bên B có trách nhiệm cung cấp kết quả phân tích mẫu nước thải định kỳ theo kết quả quan trắc môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) của Bên B với cơ quan chức năng cho Bên A.

Điều 2. Điều khoản chung

1. Phụ lục 02 này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không tách rời của Hợp đồng.

2. Ngoài nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Phụ Lục 02, các nội dung khác của Hợp Đồng và các phụ lục (nếu có) vẫn giữ nguyên hiệu lực áp dụng. Trường hợp có mâu thuẫn về nội dung giữa Phụ Lục 02 với Hợp Đồng và các phụ lục (nếu có), thì nội dung của Phụ Lục 02 được ưu tiên áp dụng.

3. Phụ lục này được lập thành 04 bản gốc có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản để biết và thực hiện.

Đại diện Bên A


Nguyễn Khắc Sơn

Đại diện Bên B


TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Phú Hồng

CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
HÀ TĂNG NAM ĐỨC
Số: 57/BB-ND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2014

BIÊN BẢN THỎA THUẬN ĐẦU NỐI
“Về: thoát nước mặt, nước thải KCN Quang Minh I”

- Căn cứ luật Bảo vệ môi trường, ngày 29 tháng 11 năm 2005
- Căn cứ vào Điều 44, Chương V, Nghị định số 88/2007/NĐ - CP ngày 28/05/2007 của Chính Phủ và thoát nước đô thị và Khu công nghiệp
- Căn cứ vào nhu cầu xả nước thải của Công ty ... CÔNG PHÂN ...
... CÔNG KHÍ HỒ GỒM ... (LÔ 46B) ...

Hôm nay, vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 04 năm 2014. Tại văn phòng Công ty TNHH Đầu tư và PTHT Nam Đức, chúng tôi gồm có:

I. Đại diện bên A: Công ty TNHH đầu tư và PTHT Nam Đức

Ông/Bà: Nguyễn Khắc Sơn

Chức vụ: Giám đốc

Ông/Bà: La Quang Hiệp

Chức vụ: CB giám sát ĐT03 12094014

II. Đại diện bên B: Công ty ... CÔNG PHÂN ... CÔNG KHÍ HỒ GỒM ...

Ông/Bà: ... NGUYỄN VĂN TÂM ... Chức vụ: ... GIÁM ĐỐC ...

Ông/Bà: ... Chức vụ: ...

Nội dung biên bản:

Cùng nhau xác nhận biên bản thỏa thuận đầu nối hệ thống thoát nước mặt, nước thải của Công ty ... CÔNG PHÂN ... CÔNG KHÍ HỒ GỒM ...

Vào hệ thống thoát nước mặt, nước thải chung của KCN Quang Minh, cụ thể như sau:

- Vị trí đầu nối thoát nước mặt:

+ Điểm 1: ... Điểm 1:

+ Điểm 2: ... Điểm 2:

- Vị trí đầu nối thoát nước thải:

+ Điểm 1: ... Điểm 1:

+ Điểm 2: ... Điểm 2:

Yêu cầu kỹ thuật: ... Điểm 1:



Yêu cầu của bên B trước khi đầu vào hệ thống chung của KCN phải có hố ga và trước cửa xả phải có lưới chắn rác, mắt lưới 5cm và không được lẫn nước thải. Sau khi đầu nối xong bên B phải hoàn trả lại mặt bằng hiện trạng đúng theo yêu cầu kỹ thuật ban đầu.

2. Thoát nước thải

Khi thi công bên B phải có hố ga và trước khi đầu phải có lưới chắn rác, mắt lưới 3cm. Cấp độ xả đăng ký ... m , khối lượng = 80% chỉ số nước đầu vào và không được lẫn nước mặt. Cổng đi qua đường phải là cổng trọng tải C, khi lắp đặt chú ý bảo vệ các cơ sở kỹ thuật khác có trên lộ đường.

3. Cốt cao độ tại cửa xả

- Cốt dòng chảy thoát nước mặt

+ Điểm 1: 8.70 Mết

+ Điểm 2: 8.70 Mết

- Cốt dòng chảy thoát nước thải

+ Điểm 1: 8.60 Mết

+ Điểm 2:

4. Bên B cam kết vị trí xả, số lượng cửa xả đúng theo Biên bản này đã ghi nhận. Nếu còn có cửa xả hoặc lối thoát nước thải khác trong phạm vi doanh nghiệp thì bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Biên bản kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút, cùng ngày. Biên bản này được lập thành 03 bản được đọc lại cho các bên cùng tham gia nghe, các bên không có gì thêm, bót v cùng ký vào biên bản, mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản gửi báo cáo BQL các KCN và CX H Nội.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY TNHH DT & PTHT NAM ĐỨC



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Khắc Sơn

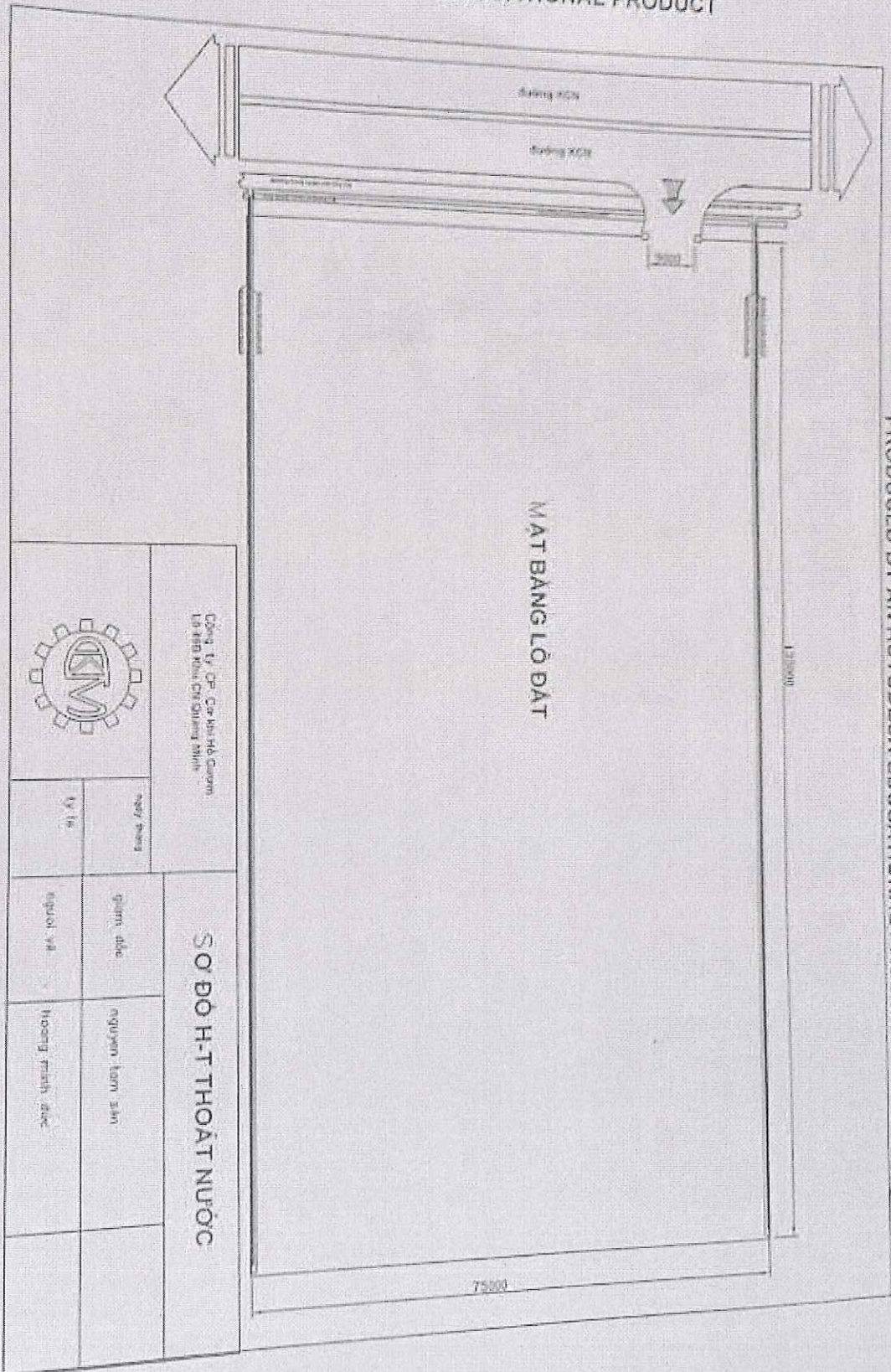
ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tâm Sản

PRODUCED BY AN AUTODESK EDUCATIONAL PRODUCT

PRODUCED BY AN AUTODESK EDUCATIONAL PRODUCT



Công ty CP Cơ Khí Chế Tạo
Là đơn vị thi công



Ngày tháng

Ty lệ

Người vẽ

Người làm bản

Người vẽ

Người làm bản

SƠ ĐỒ H-T THOÁT NƯỚC

PRODUCED BY AN AUTODESK EDUCATIONAL PRODUCT

